

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH YÊN
TRƯỜNG MẦM NON NOONG LUỐNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH YÊN
TRƯỜNG MẦM NON NOONG LUỐNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Bén	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Phạm Thanh Thuý	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
3	Trần Thị Bích Thảo	Tổ trưởng	Thư ký hội đồng	
4	Lò Thị Duyên	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
5	Cao Thị Minh Nguyệt	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
6	Nguyễn Ánh Nguyệt	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
7	Phạm Thu Trang	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
8	Đặng Thị Loan	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
9	Quàng Thị Thuỷ	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
10	Dương Ngọc Nhung	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
11	Nguyễn Thị Kim Oanh	Kế toán	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Danh mục chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	16
Mở đầu:	16
Tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	16
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các Hội đồng khác	19
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	21
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	24
Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	27
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	30
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	32
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	34
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	36
Tiêu chí 1.10 Đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học	38
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	40
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	41
Mở đầu	41
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng	42
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	44
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	46
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	48
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	49
Mở đầu	49
Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	49
Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	51
Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	55
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	58
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường gia đình và xã hội	59

Mở đầu	59
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	60
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp uỷ Đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức cá nhân của nhà trường	62
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	65
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ	66
Mở đầu	66
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	66
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ	69
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	71
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	74
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	77
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	78
Tiêu chí 1: Nhà trường phát triển chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và đào tạo.	78
Tiêu chí 2: Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp...	79
Tiêu chí 3: Sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi ...	81
Tiêu chí 4: 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố...	82
Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá...	84
Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá...	85
Kết luận tiêu chí mức 4	86
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	87

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	CBQL, GV, NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
2	CBQL	Cán bộ quản lý
3	CNTT	Công nghệ thông tin
4	CSGD	Chăm sóc giáo dục
5	GDMN	Giáo dục mầm non
6	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
7	GVMN	Giáo viên mầm non
8	HĐ	Hội đồng
9	LĐLĐ	Liên đoàn lao động
10	QĐ-UBND	Quyết định- Ủy ban nhân dân
11	UBND	Ủy ban nhân dân
12	XHH GD	Xã hội hoá giáo dục
13	MN	Mầm non
14	TH	Tiểu học
15	THCS	Trung học cơ sở
16	THPT	Trung học phổ thông

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc không đạt)

1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2, và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Mức 1 đạt (5 tiêu chuẩn và 22 tiêu chí)

Mức 2 đạt (5 tiêu chuẩn và 21 tiêu chí)

Mức 3 đạt (5 tiêu chuẩn và 13 tiêu chí); chưa đạt (2 tiêu chí)

2. Đánh giá tiêu chí mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1	x		
Tiêu chí 2		x	

Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6	x		

Kết quả: đạt 03/06 tiêu chí.

3.Kết luận: Trường đạt mức 2

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non Noong Luống.

Tên trước đây: Trường Mầm non xã Noong Luống.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân xã Thanh Yên

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương	Điện Biên	Họ và tên Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Bền
Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố		Điện thoại	0916813586
Xã/Phường/Thị trấn	xã Thanh Yên	Fax	
Đạt CQG	Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020	Website	https://mnnoongluong.huyendienbien.edu.vn/
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	Ngày 17 tháng 8 năm 2000	Số điểm trường	02
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Dân lập		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
Nhóm trẻ từ 13-24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 24-36 tháng tuổi	3	3	3	3	4
Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	3	3	3	2	1
Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	3	3	3	2	1
Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	3	3	3	3	3
Lớp mẫu giáo ghép 3-4 tuổi	1	1	1	2	3
Cộng	13	13	13	12	12

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Năm học 2025- 2026	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo (<i>khu sinh hoạt chung, khu ngủ, kho nhóm, lớp</i>)	22	22	21	20	19	
1	Phòng kiên cố	19	19	20	19	19	
2	Phòng bán kiên cố	3	3	1	1	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

II	Khối phòng phục vụ học tập (GDNT, GDTC, Thư viện)	2	2	2	4	6	
1	Phòng kiên cố	2	2	2	3	4	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	1	2	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	6	6	6	6	5	
1	Phòng kiên cố	4	4	4	4	3	
2	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	2	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	2	2	2	2	2	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (khối phụ trợ)	3	3	3	3	3	
	Cộng	35	35	34	35	35	

3.Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Ghi chú
Hiệu trưởng	1	1	0			1	
Phó hiệu trưởng	1	1	0			1	
Giáo viên	24	24	8			24	
Nhân viên	6	5	2	4	1	1	
Cộng	32	31	10	4	1	27	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Năm học 2025- 2026
1	Tổng số giáo viên	27	26	27	25	24
2	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	14,4	13,4	10,7	10,6	8,1
3	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)	13,7	14,1	12,9	12,4	12,7
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên	6	9	9	8	8
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	1	2	2	2	2
	Các số liệu khác	0	0	0	0	

2. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Năm học 2025- 2026	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	375	362	332	298	263	
	- <i>Nữ</i>	186	171	166	147	134	
	- <i>Dân tộc thiểu số</i>	238	232	214	190	178	
2	Đối tượng chính sách	144	133	152	141	263	

3	Khuyết tật	0	01	01	02	01	
4	Tuyển mới	90	75	60	65	70	
5	Học 2 buổi/ngày	375	362	332	298	263	
6	Bán trú	375	362	332	298	263	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	27,4	26,8	25,7	24,8	23,75	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	33,7	31,3	25	24,7	18,3	
9	Trẻ em từ 13-24 tháng tuổi	9	21	13	15	12	
	Trẻ em từ 24-36 tháng tuổi	92	73	62	59	61	
	Trẻ em từ 3-4 tuổi	75	77	72	42	25	
	Trẻ em từ 4-5 tuổi	80	78	79	48	27	
	Trẻ em từ 5-6 tuổi	97	92	89	88	78	
	Trẻ em ghép 3,4 tuổi	22	21	17	46	60	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường mầm non Noong Luống thành lập vào ngày 17 tháng 8 năm 2000. Trường có tổng diện tích đất 5.861,8m², trong đó điểm trường Trung tâm 2.007,7 m²; điểm trường A1: 2.554,1m²; điểm trường Noong Luống: 1.300m². Trường xây dựng gồm 12 phòng học và các phòng chức năng cùng với hệ thống trang thiết bị đồng bộ hiện đại đáp ứng cho công tác CSGD trẻ theo yêu cầu, cơ sở vật chất khang trang, môi trường học tập an toàn - sạch - đẹp, có đầy đủ các phòng học cho từng độ tuổi đảm bảo diện tích, có đủ các phòng chức năng theo quy định như phòng giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, văn phòng trường, phòng họp của giáo viên, thư viện với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động.

Trải qua 25 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 trường liên tục đạt tập thể lao động tiên tiến và tập thể lao động xuất sắc được UBND huyện, UBND tỉnh tặng giấy khen, năm học 2022-2023 được UBND tỉnh tặng cờ thi đua. Tổ chức Công đoàn nhiều năm liên đạt Công đoàn vững mạnh xuất sắc được Công đoàn giáo dục, LĐLĐ huyện Điện Biên tặng giấy khen. Chi bộ Đảng trong nhà trường nhiều năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Trường có đội ngũ CBQL, GV, NV đủ theo Điều lệ Trường Mầm non, có phẩm chất đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động CSGD trẻ. 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt trên chuẩn, giáo viên dạy giỏi các cấp hằng năm đều đạt 88,8% trở lên. Qua các đợt kiểm tra của Phòng GD&ĐT, giáo viên đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn đạt giỏi. Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng CSGD không ngừng được nâng lên và được khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1, đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng chân trên địa bàn, cha mẹ trẻ em xây dựng và phát triển nhà trường nâng cao chất lượng CSGD trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường.

Trẻ đến trường ngoan, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nền nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động

như: học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đó là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ GD&ĐT ban hành. Việc tự đánh giá nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng CSGD trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường. Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể CBQL, GV, NV về công tác CSGD trẻ, được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nề nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao. Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể CBQL, GV, NV xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT- BGDDT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành sửa đổi, thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và thông tư số 19/2018/TT- BGDDT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản hợp nhất 13/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hợp nhất Thông tư ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Nhà trường xây dựng và triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể CBQL, GV, NV của nhà trường. Thành lập HĐ tự đánh giá bao gồm: Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, đại diện các đoàn thể, giáo viên, thư ký HĐ là những giáo viên có kinh nghiệm. HĐ tự đánh giá của trường tiến hành theo đúng quy trình tự đánh giá xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. HĐ tự đánh giá được chia thành 05 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01 tiêu chuẩn.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình

Bộ GD&ĐT hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1. Thành lập HĐ tự đánh giá.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai khoa học. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Báo cáo tự đánh giá bao quát đầy đủ các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của nhà trường.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan. HĐ tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn để thu thập thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích dữ liệu có liên quan, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác như: máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá. Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành sửa đổi, thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và thông tư số 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản hợp nhất 13/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hợp nhất Thông tư ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, kết quả tự đánh giá trường mầm non Noong Luống đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Trường Mầm non Noong Luống có cơ cấu, tổ chức bộ máy đúng quy định của Điều lệ Trường Mầm non, có các tổ chức Đảng, đoàn thể phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và hoạt động có hiệu quả; có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện tốt mọi nhiệm vụ. Nhà trường thực hiện tốt công tác Phổ cập GDMN, huy động trẻ trong độ tuổi đạt chỉ tiêu kế hoạch giao, các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi, được học 2 buổi/ngày. Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược và phát triển nhà trường theo từng giai đoạn và kế hoạch phát triển nhà trường theo năm học phù hợp với mục tiêu GDMN và các nguồn lực của nhà trường, định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường để đưa ra các giải pháp thực hiện cho phù hợp. Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV. Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng CSGD. Giáo viên căn cứ vào kế hoạch nuôi dưỡng, CSGD của nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng CSGD của nhóm/lớp theo tiêu chí giáo dục lấy trẻ làm trung tâm đảm bảo thực hiện tốt chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho CBQL, GV, NV theo đúng vị trí việc làm và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của từng đồng chí. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, không có tình trạng đơn thư khiếu nại, đảm bảo các quyền lợi của CBQL, GV, NV đúng quy định. Nhà trường luôn thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội; phòng chống xâm hại tình dục trẻ em và phòng chống bạo lực học đường.

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng GD&ĐT.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong HĐ trường (HĐ quản trị đối với trường tư thục), CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1**

Nhà trường có kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, giai đoạn 2025 – 2030 và kế hoạch phát triển nhà trường từng năm học phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp và chỉ tiêu kế hoạch được giao, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 và được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên phê duyệt; Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 và được UBND xã Thanh Yên phê duyệt để triển khai, thực hiện hiệu quả [H1-1.1-01].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác công khai phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường bằng hình thức đăng tải trên Website, bảng tin của nhà trường để toàn thể CBQL, GV, NV nhà trường, các bậc phụ huynh, nhân dân được biết [1.1-03].

Mức 2

Hàng năm, nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như: Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐ trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát Hiệu trưởng và kế toán trường trong việc chấp hành các quy định công khai, minh bạch và hiệu quả [H1-1.1-04].

Mức 3

Định kỳ 01 năm/lần rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Nhà trường tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong HĐ trường; thông qua hội nghị cán bộ, công chức viên chức người lao động, thông qua các cuộc họp Ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.1-

04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương hướng, chiến lược, kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế của địa phương và nguồn lực của nhà trường theo từng giai đoạn được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên, UBND xã Thanh Yên phê duyệt và niêm yết công khai, đăng tải trên Website, bảng tin của nhà trường. Hằng năm thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu, phương hướng phát triển của nhà trường để phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn, theo năm học hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh - kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, của nhà trường.	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng ; thành viên HĐ trường	Kế hoạch	Tháng 8, tháng 9 hằng năm.	Không
Công khai phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường bằng hình thức đăng tải trên Website, bảng tin, zalo chung của nhà trường để toàn thể CBQL, GV, NV nhà trường, các bậc phụ huynh, nhân dân được biết.	CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ em, nhân dân	Bảng tin, Website của trường	Đầu năm, giữa năm và cuối các năm học	Không
Tiếp tục thực hiện các biện pháp giám sát như: Giám sát công tác CSGD trẻ, giám sát các hoạt động của nhà trường	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, giáo viên,	Kế hoạch, Nghị quyết, Báo cáo	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không

trong việc xây dựng và phát triển đội ngũ, giám sát việc sử dụng cơ sở vật chất và các trang thiết bị giáo dục, giám sát các hoạt động của nhà trường trong việc huy động mọi nguồn lực xã hội vào hoạt động giáo dục.	nhân viên, phụ huynh và cộng đồng			
--	-----------------------------------	--	--	--

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các Hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

HĐ trường và các HĐ khác trong trường Mầm non Noong Luống được thành lập theo quy định: HĐ trường [H1-1.1-04]; HĐ thi đua khen thưởng [H1-1.2-01]; HĐ tư vấn được thành lập theo Điều lệ Trường Mầm non [H1-1.2-02], HĐ sáng kiến thành lập theo Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định 13/2012/NĐ-CP [H1-1.2-03]; HĐ tự đánh giá được thành lập theo Khoản 1 Điều 24 Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường Mầm non [H1-1.2-04]; HĐ lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở GDMN được thành lập theo Điều 10 Thông tư 30/2021/TT-BGDĐT Thông tư quy định việc biên soạn, thẩm định, phê duyệt và lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở GDMN [H1-1.2-05]; HĐ lựa chọn đồ chơi học liệu được thành lập theo Điều 10 Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT Thông tư quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở GDMN [H1-1.2-06]; HĐ biên soạn Chương trình giáo dục nhà trường [H1-1.2-07].

Các HĐ của trường Mầm non Noong Luống thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định: HĐ trường thực hiện, nhiệm vụ quyền hạn và hoạt động hiệu quả theo đúng quy định tại Điều 9, khoản 1 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường Mầm non, Điều 8 Nghị định 24/2021/NĐ-CP

quy định việc quản lý trong cơ sở GDMN và cơ sở giáo dục phổ thông công lập, Điều 55 Khoản 1 Điểm a Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 [H1-1.1-04]; HĐ thi đua khen thưởng thực hiện theo Điều 11, khoản 1 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT [H1-1.2-01]; HĐ tư vấn thực hiện theo Điều 11 Khoản 3 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT và Điều 57 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14[H1-1.2-02]; HĐ sáng kiến thực hiện theo Điều 8 Nghị định 13/2012/NĐ-CP Điều lệ Sáng kiến [H1-1.2-03]; HĐ tự đánh giá Trường Mầm non thực hiện theo Điều 25 Thông tư số 19/2018/TT- BGDDĐT [H1-1.2-04]; HĐ lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở GDMN thực hiện theo Điều 25 Khoản 3, 4, 5 Thông tư 30/2021/TT-BGDĐT [H1-1.2-05]; HĐ lựa chọn đồ chơi học liệu thực hiện theo Điều 10 Khoản 3, 4, 5 Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT [H1-1.2-06]; HĐ biên soạn Chương trình giáo dục nhà trường tổ chức nghiên cứu và biên soạn Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp và thực hiện đánh giá Chương trình giáo dục nhà trường đảm bảo theo quy định [H1-1.2-07].

Hoạt động của HĐ trường [H1-1.1-04]; HĐ thi đua khen thưởng [H1-1.2-01]; HĐ tư vấn [H1-1.2-02]; HĐ sáng kiến [H1-1.2-03]; HĐ tự đánh giá [H1-1.2-04]; HĐ lựa chọn tài liệu [H1-1.2-05]; HĐ lựa chọn đồ chơi học liệu [H1-1.2-06]; HĐ biên soạn Chương trình giáo dục nhà trường [H1-1.2-07] được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

Mức 2

Các HĐ trong nhà trường (HĐ trường [H1-1.1-04]; HĐ thi đua khen thưởng [H1-1.2-01]; HĐ tư vấn [H1-1.2-02]; HĐ sáng kiến [H1-1.2-03]; HĐ tự đánh giá; [H1-1.2-04]; HĐ lựa chọn tài liệu [H1-1.2-05]; HĐ lựa chọn đồ chơi học liệu [H1-1.2-06]; HĐ biên soạn Chương trình giáo dục nhà trường [H1-1.2-07]) hoạt động có hiệu quả không ngừng nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường có các HĐ được thành lập theo quy định: HĐ trường, HĐ thi đua khen thưởng, HĐ tư vấn, HĐ sáng kiến, HĐ tự đánh giá trường Mầm non, HĐ lựa chọn tài liệu, HĐ lựa chọn đồ chơi học liệu, HĐ biên soạn Chương trình giáo dục nhà trường, các HĐ thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, duy trì tổ chức các hoạt động có hiệu quả. Các HĐ được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung kịp thời góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ, đáp ứng yêu cầu về việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong năm học của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hàng năm kiện toàn hoặc thành lập các HĐ trong nhà trường theo quy định của các Điều lệ, Nghị định, Thông tư hiện hành	CBQL	Tờ trình, HĐ trường theo quy định Điều lệ Trường Mầm non	Trong các năm học (có bổ sung, thay thế khi có sự thay đổi về nhân sự trong năm học)	Không
HĐ trường và các HĐ khác tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ.	CBQL	Căn cứ Điều lệ, Thông tư Nghị định xây dựng Kế hoạch,		
Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động của HĐ trường và các HĐ khác trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học.	Các thành viên trong HĐ trường; HĐ thi đua khen thưởng; HĐ tư vấn, HĐ sáng kiến	Quyết định, kế hoạch	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm

hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Từ năm 2021 đến tháng 5/2025 nhà trường có 01 tổ chức Công đoàn, ngày 13/6/2025 tổ chức Công đoàn đã giải thể theo QĐ số 141/QĐ-LĐLĐ của Liên đoàn lao động huyện Điện Biên về việc giải thể các Công đoàn cơ sở và kết thúc hoạt động của Ban chấp hành, Ủy ban kiểm tra, các Chức danh trong Ban chấp hành, Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cơ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp hưởng 100% lương ngân sách Nhà nước [H1-1.3-01]; Đoàn Thanh niên có 06 đoàn viên hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ [H1-1.3-02].

Hàng năm, các tổ chức, đoàn thể trong trường xây dựng kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với nhà trường để hoạt động theo Điều lệ của từng tổ chức, nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu GDMN. Công đoàn trường xây dựng quy chế phối hợp cùng với chính quyền nhà trường chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng, bảo đảm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, người lao động, tạo điều kiện làm việc, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Ban chấp hành triển khai thực hiện tốt các cuộc vận động do LĐLĐ Huyện phát động, tham gia cùng với chính quyền trong công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá khen thưởng, kỷ luật [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong trường thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Đoàn Thanh niên đã nâng cao các hoạt động và phong trào của nhà trường [H1-1.3-02]. Thực hiện tốt các hoạt động phong trào và công tác quyền góp ủng hộ từ thiện đảm bảo theo quy định của nhà trường và cấp trên [H1-1.3-03].

Hàng năm, các hoạt động của đoàn thể Công đoàn, Đoàn Thanh niên được tổ chức rà soát, đánh giá nhằm bổ sung, điều chỉnh hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, được các đoàn thể cấp trên đánh giá hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-03].

Mức 2

Nhà trường có Chi bộ độc lập gồm 19 đảng viên, có cơ cấu tổ chức theo quy định. Chi bộ nhà trường hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật theo quy

định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường đều được Đảng ủy xã Noong Luông đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó năm 2021, 2022, 2023 được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, năm 2024 được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-04].

Các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường, thường xuyên phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện đổi mới phương pháp CSGD trẻ, tổ chức các hoạt động trải nghiệm của trẻ, tổ chức các ngày hội, ngày lễ, các hội thi của trường được lãnh đạo các cấp công nhận và tặng giấy khen, bằng khen [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Mức 3

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá tổ chức cơ sở Đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường luôn triển khai và thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp, pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ Đảng Cộng sản, được Đảng ủy xã Noong Luông đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 3 năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-04].

Các đoàn thể và các tổ chức khác [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02] của nhà trường hằng năm đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng như: Phối hợp xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường, xây dựng chương trình giáo dục nhà trường; xây dựng trường học hạnh phúc; tổ chức các hoạt động, tuyên truyền phổ biến pháp luật; tổ chức các hoạt động trải nghiệm của trẻ, tổ chức các ngày hội, ngày lễ, các hội thi; phát động hoạt động phong trào thể dục thể thao, văn nghệ, các hoạt động từ thiện nhân đạo [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Trường có chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam độc lập, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên. Các tổ chức, đoàn thể hoạt động theo quy định và đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Trong 05 năm Chi bộ và các tổ chức đoàn thể đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD cho trẻ em của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục rà soát, đánh giá kiện toàn duy trì tốt cơ cấu tổ chức các đoàn thể và các tổ chức khác theo	Chi bộ, các tổ chức đoàn thể.	Quyết định kiện toàn, trình kiện toàn các đoàn thể và	Khi có sự thay đổi về nhân sự hoặc cơ cấu tổ chức các	Không

quy định.		các tổ chức khác	đoàn thể	
Chi bộ và các đoàn thể, tổ chức khác phối hợp thực hiện tốt các hoạt động của nhà trường. Tích cực đổi mới nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng về mọi mặt của nhà trường.	Chi bộ, các tổ chức đoàn thể.	Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động.	Trong các năm học	Không
Tiếp tục làm tốt công tác phát triển Đảng, bồi dưỡng kết nạp được ít nhất 1 đảng viên mới.	Chi bộ	Đảng viên, Đoàn viên ưu tú	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Không
Tạo điều kiện cho Đảng viên tham gia học các lớp lý luận chính trị để nâng cao chất lượng Đảng viên trong chi bộ.	Chi bộ	Đảng viên	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Không
Hàng năm phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn xã tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao.	Chi bộ, các tổ chức đoàn thể.	Các công văn, hướng dẫn, kế hoạch, quy chế	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trường có 01 Hiệu trưởng; 01 Phó hiệu trưởng đảm bảo theo Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập [H1-1.4-01].

Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều có cơ cấu tổ chức theo quy định: tổ chuyên môn có tổ trưởng và tổ phó, tổ văn phòng có 01 tổ trưởng [H1-1.4-02]. Năm học 2025-2026 nhà trường có 02 tổ chuyên môn gồm: 01 tổ mẫu giáo bé + nhà trẻ có 13 đồng chí (trong đó có 11 giáo viên và 02 nhân viên nấu ăn); 01 tổ mẫu giáo lớn + nhỡ + ghép có 13 giáo viên; 01 tổ văn phòng có 04 đồng chí (01 kế toán, 01 y sĩ, 01 bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ) [H1-1.4-03].

Hàng năm tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo tháng, năm học và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non: Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ ít nhất hai tuần một lần, tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ ít nhất một tháng một lần. Các tổ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ em, quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN, tham gia đánh giá xếp loại nhân viên [H1-1.4-04].

Mức 2

Hàng năm căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, căn cứ vào tình hình thực tế của tổ, các tổ chuyên môn đề xuất các chuyên đề như: Chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, lồng ghép giáo dục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số, chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam”, chuyên đề về dinh dưỡng cho trẻ”, chuyên đề phát triển vận động, chuyên đề tăng cường giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ, chuyên đề xây dựng cộng đồng học tập ... Các chuyên đề được tổ chức có tác dụng thiết thực nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-04].

Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chỉ đạo chuyên môn theo năm học và theo tháng, sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng, đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn có hiệu quả, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và cập nhật đúng tiến độ theo kế hoạch; tổ văn phòng tổ chức theo đúng kế hoạch, định kỳ sinh hoạt bồi dưỡng chuyên môn 1 lần/tháng. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, kiểm tra, đánh giá để có sự điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của tổ và của nhà trường [H1-1.4-04].

Mức 3

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tổ chức các chuyên đề, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, các hoạt động tham quan, lễ hội, xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ [H1-1.3-03]; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lực chuyên môn [H1-1.4-04]; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học của tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp GVMN, đánh giá nhân viên theo quy định; góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.4-05].

Hàng năm các tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch đã xây dựng, thường xuyên chia sẻ, trao đổi về chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ và chuyên đề giáo dục trọng tâm theo từng năm học như: Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam”, chuyên đề dinh dưỡng, chuyên đề tăng cường giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ, chuyên đề xây dựng cộng đồng học tập ... góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng theo quy định. Trường có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học, tháng, định kỳ sinh hoạt chuyên môn theo quy định của Điều lệ trường mầm non, theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lực chuyên môn. Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Tích cực đổi mới nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn tiếp tục phát huy hiệu quả chuyên đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn, tích cực đổi mới hình thức sinh hoạt, đẩy mạnh ứng dụng CNTT, các phần mềm ứng dụng trong hoạt động giảng dạy, ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI...	CBQL, tổ trưởng, giáo viên nhân viên	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn	Trong các năm học	Không
Nhà trường tiếp tục kiện toàn các tổ chức bộ máy theo quy định	CBQL	Tờ trình	Trong các năm học	Không
Kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường hoặc kiểm tra đột xuất hoạt động của tổ.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên cốt cán	Kế hoạch kiểm tra nội bộ, bồi dưỡng chuyên môn	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Thực hiện tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy định;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép; số lượng trẻ khuyết tật học hòa nhập trên mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định;

c) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm nhà trường tổ chức tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đúng theo quy định, đảm bảo số lớp, số học sinh ra lớp theo Điều 5 Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo ra lớp hàng năm đều đạt 100% (không tính trẻ khuyết tật), tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt trên 50% [H1-1.5-01].

Trong các năm học nhà trường có các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, được phân chia theo độ tuổi theo quy định của Điều lệ Trường Mầm non. Năm học 2021 – 2022 có 13 nhóm, lớp với 375 trẻ, trong đó: 03 nhóm trẻ với 101 trẻ, 03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi với 75 trẻ, 03 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi với 80 trẻ, 01 lớp mẫu giáo ghép 3, 4 tuổi với 22 trẻ ; 03 lớp mẫu giáo 5- 6 tuổi với 97 trẻ. Năm học 2022-2023 có 13 nhóm, lớp với 362 trẻ, trong đó: 03 nhóm trẻ với 94 trẻ, 03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi với 77 trẻ, 03 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi với 78 trẻ, 01 lớp mẫu giáo ghép 3,4 tuổi với 21 trẻ; 03 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi với 92 trẻ. Năm học 2023-2024 có 13 nhóm, lớp với 332 trẻ, trong đó: 03 nhóm trẻ với 75 trẻ, 03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi với 72 trẻ, 03 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi với 79 trẻ, 01 lớp mẫu giáo ghép 3, 4 tuổi với 17 trẻ; 03 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi với 89 trẻ. Năm học 2024-2025 có 12 nhóm, lớp với 298 trẻ, trong đó: 03 nhóm trẻ với 74 trẻ, 02 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi với 42 trẻ, 02 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi với 48 trẻ, 2 lớp mẫu giáo ghép 3, 4 tuổi với 46 trẻ; 03 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi với 88 trẻ. Năm học 2025-2026 có 12 nhóm, lớp với 263 trẻ, trong đó: 04 nhóm trẻ với 73 trẻ, 01 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi với 25 trẻ, 01 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi với 27 trẻ, 03 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi với 78 trẻ; 03 lớp mẫu giáo ghép 3,4 tuổi với 60 trẻ [H1-1.5-02]. Năm học 2021-2022 nhà trường không có trẻ khuyết tật; năm học 2022-2023 có 01 trẻ khuyết tật học hoà nhập tại lớp mẫu giáo 5-6 tuổi A3; năm 2023-2024 có 01 trẻ khuyết tật học hoà nhập tại nhóm trẻ 25-36 tháng; năm học 2024- 2025 có 02 trẻ khuyết tật (01 trẻ học hoà nhập tại lớp mẫu giáo 3-4 tuổi C2; 01 trẻ học hoà nhập tại lớp mẫu giáo 5-6 tuổi A3); năm học 2025- 2026 có 01 trẻ khuyết tật hoà nhập học tại lớp mẫu giáo 4-5 tuổi; số lượng trẻ khuyết tật học hoà nhập trên mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định [H1-1.5-03].

Hàng năm các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi/ngày, đạt tỷ lệ 100% [H1-1.3-03]. Năm học 2025-2026 có 12/12 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi/ngày [H1-1.5-02].

Mức 2

Hàng năm số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá số lượng theo quy định cụ thể: Năm học 2021-2022 nhà trường có 13 nhóm, lớp được

phân chia theo độ tuổi với 375 trẻ (03 nhóm trẻ 25-36 tháng với 101 trẻ, 10 lớp mẫu giáo với 274 trẻ); năm học 2022-2023 có 13 nhóm, lớp được phân chia theo độ tuổi với 362 trẻ (03 nhóm trẻ 25-36 tháng với 94 trẻ, 10 lớp mẫu giáo với 268 trẻ); năm học 2023-2024 có 13 nhóm, lớp với 332 trẻ (03 nhóm trẻ 25-36 tháng với 75 trẻ; 10 lớp mẫu giáo với 257 trẻ); năm học 2024-2025 có 12 nhóm, lớp với 298 trẻ (03 nhóm trẻ 25-36 tháng với 74 trẻ; 9 lớp mẫu giáo với 224 trẻ); năm học 2025-2026 có 12 nhóm, lớp với 263 trẻ (04 nhóm trẻ 25-36 tháng với 73 trẻ; 8 lớp mẫu giáo với 190 trẻ) [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Trong các năm học nhà trường luôn thực hiện tốt công tác điều tra phổ cập và công tác tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo đúng quy định. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp hàng năm đối với mẫu giáo đạt 100%; tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt trên 50%.

Nhà trường có số lượng trẻ trong mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được sắp xếp, phân chia vào các nhóm, lớp theo đúng độ tuổi và đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường phân chia vào các nhóm, lớp theo đúng độ tuổi, đủ số trẻ theo quy định. Nhà trường huy động tỷ lệ trẻ đến trường đảm bảo theo kế hoạch giao, 100% trẻ đến trường đều được tổ chức ăn bán trú và học 2 buổi/ngày.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục tăng cường các biện pháp huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 3 tháng đến dưới 36 tháng tuổi và trẻ 3-5 tuổi, duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp đảm bảo số lượng trẻ/nhóm, lớp theo quy định. Duy trì 100% trẻ học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch giao tuyển sinh, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo năm học của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	Trong các năm học	Không
Tiếp tục huy động trẻ khuyết tật học hoà nhập và	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch giáo dục trẻ	Trong các năm học	Không

thực hiện chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch.		khuyết tật hoà nhập		
Tham mưu, sắp xếp các nhóm, lớp lớp đảm bảo theo quy định.	CBQL	Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng năm học	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

Mức 2:

- a) Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo quy định tại Điều 21 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ Trường Mầm non bao gồm các hồ sơ: Kế hoạch phát triển nhà trường [H1-1.1-02]; hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-02]; hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-01]; hồ sơ phổ cập giáo dục [H1-1.5-01]; hồ sơ quản lý tài sản, tài chính [1.6-02]; hồ sơ quản lý các văn bản [H1-1.6-03]; kế hoạch nuôi dưỡng, CSGD trẻ theo năm học [H1-1.6-04]. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo Luật lưu trữ số 33/2024/QH15 ngày 21/6/2024 của Quốc Hội, Thông tư số 06/2025/TT-BNV và Thông tư số 10/2022/TT-BNV ngày 19/12/2022 Quy định thời hạn bảo quản tài liệu.

Hàng năm nhà trường đều lập dự toán, thực hiện công tác thu chi, quyết

toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định; định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành, có đầy đủ các chứng từ, lưu trữ theo quy định [1.6-02].

Mức 2

Trong các năm học nhà trường ứng dụng có hiệu quả CNTT, thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý hành chính, tài sản và các hoạt động trong nhà trường như: phần mềm quản lý tài sản-kế toán hành chính sự nghiệp Misa [1.6-02]; Phần mềm phổ cập [1.6-05]; phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia [1.6-06]; phần mềm hồ sơ điện tử [1.6-07];

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.3-03].

Mức 3

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương và triển khai thực hiện kế hoạch hiệu quả như: Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2025-2030 [H1-1.1-01]; kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục giai đoạn 2023-2025 [H1-1.6-08]; kế hoạch phát triển nhà trường theo từng năm học [H1-1.1-02]; đề án vị trí việc làm [H1-1.6-09]; Kế hoạch vận động tài trợ [1.6-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo quy định Điều lệ Trường Mầm non và được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Luật lưu trữ số 33/2024/QH15 ngày 21/6/2024 của Quốc Hội, Thông tư số 06/2025/TT-BNV, Thông tư số 10/2022/TT-BNV của Bộ Nội Vụ. Hằng năm nhà trường đã làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả nâng cao chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Trong những năm qua nhà trường chỉ đạo ứng dụng CNTT, chuyển đổi số hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Có đầy đủ kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương để xây dựng và phát triển nhà trường hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo làm tốt nhiệm vụ quản lý hành chính, tài chính và tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động CSGD.	CBQL, GV, NV.	Các văn bản hướng dẫn quản lý hành chính, tài chính và tài sản đúng mục đích hiện hành.	Trong các năm học	Không
Chỉ đạo hiệu quả hơn nữa việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong công tác quản lý hành chính tài chính và tài sản của nhà trường. Thực hiện tốt Đề án 06.	CBQL, GV, NV.	Các phần mềm hiện hành trong Trường Mầm non: Phần mềm phổ cập, CSDL, phần mềm VNEDU,	Trong các năm học	30.000.000 đồng
Tổ chức và tham gia các lớp bồi dưỡng ứng dụng CNTT	CBQL, GV, NV.	Danh sách nhu cầu tham gia bồi dưỡng	Trong các năm học	
Hàng năm xây dựng Kế hoạch vận động tài trợ tuyên truyền tới nhân dân, các đoàn thể, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và các bậc cha mẹ trẻ nhằm nâng cao chất lượng CSGD trẻ trong nhà trường.	CBQL, GV, NV.	Kế hoạch vận động tài trợ theo Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT quy định về tài trợ	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV;

b) Phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) CBQL, GV, NV được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV với nội dung và hình thức bồi dưỡng thiết thực, sát với thực tiễn, áp dụng thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV trong nhà trường [H1-1.7-01].

Hằng năm nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường [H1-1.7-02].

100% CBQL, GV, NV được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều 10, Điều 29 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT, được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể, được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định; được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường, được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, CSGD trẻ em; được hưởng tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật; được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hưởng nguyên lương, phụ cấp theo lương và các chế độ chính sách khác theo quy định khi được cấp có thẩm quyền cử đi học tập bồi dưỡng; được khen thưởng, tặng danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác, các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.3-03].

Mức 2

Trong các năm qua nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV. Nhà trường tạo điều kiện, động viên CBQL, GV, NV tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia học lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, chức danh nghề nghiệp, tin học, ngoại ngữ... Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục, các chuyên đề giáo dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại kế hoạch theo quy định, có các nội dung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV. Hằng năm phân

công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý, rõ ràng phù hợp với năng lực, điều kiện hoàn cảnh của từng người, có những biện pháp phát huy được khả năng của đội ngũ CBQL, GV, NV trong xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. 100% CBQL, GV, NV trong nhà trường được bảo đảm các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV với nội dung mới, thiết thực, vận dụng có hiệu quả các phương pháp giáo dục mới phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Tài liệu bồi dưỡng, video tư liệu.	Trong các năm học	Không
Tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ	CBQL, GV, NV	Kế hoạch, Quyết định, công văn tập huấn, bồi dưỡng	Trong các năm học	Không
Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho CBQL, GV, NV theo quy định, phát huy hiệu quả của các công tác thi đua.	CBQL, GV, NV	Phối hợp các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt

động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hằng năm nhà trường căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành để xây dựng Chương trình giáo dục của nhà trường nhằm lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của trẻ, điều kiện của lớp, của trường và địa phương đảm bảo mục tiêu phát triển của trẻ cuối độ tuổi [H1-1.2-07]; [H1-1.6-04].

Hằng năm nhà trường chỉ đạo giáo viên các nhóm, lớp xây dựng và thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, CSGD của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định của trường, của ngành và địa phương đầy đủ theo năm học, tháng/chủ đề, tuần, ngày đảm bảo đầy đủ và có hiệu quả cao trong các hoạt động CSGD trẻ [H1-1.8-01].

Nhà trường, tổ chuyên môn phối hợp định kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp [H1-1.4-05].

Mức 2

Hằng năm nhà trường có nhiều biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-05]. Chất lượng CSGD trẻ qua từng năm được nâng lên một cách rõ rệt, được thể hiện qua các hội thi, giao lưu của trẻ trong các năm học luôn được khen thưởng, đạt kết quả cao [H1-1.3-03]. Năm học 2024-2025 nhà trường được phòng GD&ĐT kiểm tra Hoạt động sư phạm và được đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường; kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ và thường xuyên được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời. Hằng năm nhà trường có nhiều biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục chỉ đạo xây dựng kế hoạch giáo dục, phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ từng độ tuổi các nhóm trẻ, lớp mẫu	CBQL, giáo viên cốt cán.	Nhu cầu, khả năng của trẻ và điều kiện thực tế của	Năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo.	Không

giáo và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, của nhà trường.		nhà trường.		
Thường xuyên rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời nhằm không ngừng nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD toàn diện của nhà trường.	CBQL, giáo viên cốt cán, cha mẹ trẻ em	Biên bản, phiếu khảo sát đánh giá thực hiện chương trình giáo dục nhà trường. Hồ sơ kiểm tra nội bộ.	Năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hằng năm CBQL, GV, NV trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ, viên chức người lao động như: Thực hiện huy động trẻ ra lớp, mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng phát triển nhà trường, quy chế dân chủ ở cơ sở; quy tắc ứng xử văn hóa trường học, quy định thi đua [H1-1.1-05].

Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định, đúng pháp luật, trong 5 năm vừa qua không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.3-03]; [H1-1.9-01] .

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, có các biện pháp và cơ chế giám sát việc

thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-01].

Mức 2

Nhà trường có biện pháp và cơ chế giám sát thực hiện tốt quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả: Công khai chất lượng CSGD, chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng trẻ, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, công tác thi đua, bình xét nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách CBQL, GV, NV và kết quả xã hội hóa trên trang Website, bảng tin, bảng công khai để CBQL, GV, NV, phụ huynh và nhân dân cùng biết [H1-1.9-01], [H1-1.9-02], [1.1-03].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, đảm bảo 100% CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế hoạt động của nhà trường. Công tác dân chủ tại đơn vị luôn được chú trọng nên không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị. Có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch hiệu quả dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thực hiện tốt công tác dân chủ, phát huy quyền dân chủ của CBQL, GV, NV trong việc góp ý nội quy, quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường.	CBQL.	Quy chế dân chủ, bảng công khai, trang Website của trường.	Trong các năm học	Không
Có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động để xây dựng và phát triển nhà trường.	CBQL.	Quy chế dân chủ trong nhà trường, nội quy, quy chế trường học.	Trong các năm học.	Không

Lắng nghe ý kiến, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của đội ngũ, phụ huynh và cộng đồng để kịp thời giải quyết.	CBQL.	Quy chế dân chủ trong nhà trường, công tác tiếp dân	Trong các năm học	Không
--	-------	---	-------------------	-------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) *Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích;*

b) *Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CBQL giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

c) *Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

a) *CBQL, GV, NV và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

b) *Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại kế hoạch, phương án thực hiện theo giai đoạn, theo năm học như: Kế hoạch an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học, an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-01]; phương án an toàn vệ sinh thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-03]; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-04]; kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-05]; Nhà trường có hòm thư góp ý được để ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp

thời các thông tin phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ em, của người dân, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến [1.10-06].

Trong 05 năm nhà trường không có CBQL, GV, NV nào có hiện tượng kỳ thị, có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-07].

Mức 2

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả CBQL, GV, NV và trẻ thực hiện tốt các Phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học, an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-01]; phương án an toàn vệ sinh thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-03]; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-04]; kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-05].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.10-07]; [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các kế hoạch và phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn trường học theo quy định, phổ biến, hướng dẫn tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ, thực hiện có hiệu quả. Có hộp thư góp ý để ở nơi thuận tiện để cho giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ em và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Các năm học nhà trường đều được đánh giá đạt trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục triển khai, phổ biến thực hiện hiệu quả các phương án để đảm bảo tuyệt đối an toàn tính	CBQL.	Các phương án, kế hoạch thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Không

mạng cho CBQL, GV, NV và trẻ. Hướng dẫn trang bị tốt kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho trẻ theo hướng dẫn.		của các nhóm, lớp		
Đăng ký cho CB, GV, NV đi tập huấn về cách phòng cháy, chữa cháy để kịp thời xử lý khi có sự cố cháy nổ xảy ra.	CBQL, GV, NV trong trường.	Các phương án, kế hoạch thực hiện.	Năm 2025 và những năm tiếp theo	5.000.000 đồng
Mua sắm bổ sung thiết bị phòng cháy, chữa cháy	CBQL	Kế hoạch phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ; tờ trình, dự trù kinh phí	Năm 2025 và những năm tiếp theo	5.000.000 đồng
Phối kết hợp chặt chẽ với công an xã Thanh Yên để đảm bảo an ninh trật tự cho nhà trường và giáo dục an toàn giao thông.	CBQL, GV, NV trong trường.	Cam kết đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Phối kết hợp thực hiện	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, giai đoạn 2025-2030 và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hằng năm có kế hoạch phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với tình hình thực tiễn của trường, địa phương. Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non; có chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định; có Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng đủ theo quy định. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động hiệu quả, được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường.

Hằng năm, nhà trường có số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định, được phân chia theo độ tuổi. 100% trẻ được học 2 buổi/ngày.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ; Làm tốt công tác quản lý tài chính, hằng năm lập dự toán thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản đúng mục đích, có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Thực hiện phân công, sử dụng cán bộ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với quy định của Bộ giáo dục, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng CSGD trẻ đạt hiệu quả. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, hằng năm có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với phòng GD&ĐT, thực hiện công khai, minh bạch các nội dung và hoạt động của nhà trường theo đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc quy chế, các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Công tác an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo duy trì ổn định qua các năm. Trong những năm qua không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường, nhà trường đều được đánh giá đạt trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 1: 10/10

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 2: 10/10

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 3: 4/4

Tiêu chuẩn 2: CBQL, GV, NV

Mở đầu

Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV, NV có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, 100% đội ngũ cán bộ giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó tỷ lệ trên chuẩn đạt ở mức cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ CSGD trẻ theo chương trình GDMN và yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay.

Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng của nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong ngành GDMN, có năng lực và khả năng ứng dụng CNTT tốt trong công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng có trình độ đào tạo đại học, có bằng trung cấp lý luận chính trị và được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục. Đội ngũ CBQL, GV, NV thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Hằng năm CBQL được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng đạt ở mức

khá trở lên. Giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức đạt trở lên. Tất cả cán bộ, giáo viên và nhân viên đều được tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, được đánh giá xếp loại hằng năm công bằng, khách quan và sát thực. Đội ngũ giáo viên, nhân viên được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Không có CBQL, GV, NV vi phạm đạo đức nhà giáo.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tin nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ Trường Mầm non [H1-1.4-01]; Hiệu trưởng Nguyễn Thị Bén có thời gian công tác liên tục trong GDMN là 21 năm; phó Hiệu trưởng Phạm Thanh Thuý có thời gian công tác liên tục trong ngành GDMN là 20 năm [H2-2.1-01]; Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non, trung cấp lý luận chính trị, hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ [H2-2.1-02]; có đủ sức khỏe và năng lực tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H2-2.1-03].

Hằng năm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại tốt theo chuẩn Hiệu trưởng [H2-2.1-04].

Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định như: Bồi dưỡng chính trị, bồi dưỡng thường xuyên, chuyên môn hè, bồi dưỡng các chuyên đề các cấp [H2-2.1-05]; [H1-1.3-03].

Mức 2

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng, phó Hiệu

trưởng đều được đánh giá xếp loại tốt theo chuẩn Hiệu trưởng [H2-2.1-04].

Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị [H2-2.1-02]; trong quá trình công tác luôn được sự tín nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ trở lên, được lãnh đạo các cấp đánh giá cao và khen thưởng [H2-2.1-04]; [H2-2.1-06].

Mức 3

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại tốt theo chuẩn Hiệu trưởng [H2-2.1-04].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng nhà trường đảm bảo các yêu cầu về trình độ đào tạo, năm công tác theo quy định. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị. Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường. Trong 05 năm liên tiếp Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng mức tốt theo quy định chuẩn Hiệu trưởng.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
CBQL nhà trường tiếp tục tích cực bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng.	Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
CBQL tiếp tục bồi dưỡng học tập để nâng cao nghiệp vụ tay nghề và năng lực quản lý, phấn đấu đều được đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.	Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng.	Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định;
- b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định cụ thể: Năm học 2025-2026 nhà trường có tổng số 24 giáo viên/12 nhóm, lớp tỷ lệ 2,0 giáo viên/nhóm, lớp đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.7-02].

Nhà trường có 100% giáo viên trình độ đào tạo đạt trên chuẩn theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 [H2-2.2-01].

Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp GVMN ở mức đạt trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá ở mức đạt trở lên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN, cụ thể: Năm học

2021-2022 số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên là 25/27, đạt 92,6%; mức đạt 2/27 chiếm 7,4%. Năm học 2022- 2023 số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên là 24/26 giáo viên, đạt 92,3%; mức đạt 2/26 chiếm 7,7. Năm học 2023-2024 số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên là 25/27, đạt 92,6%; mức đạt 2/27 chiếm 7,4%. Năm học 2024-2025 số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên là 24/25 giáo viên, đạt 96%; mức đạt 1/25 chiếm 4% [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.3-03].

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp GVMN ở mức khá, tốt cao, cụ thể: Năm học 2021-2022 có 25/27 giáo viên đạt mức khá trở lên, đạt tỷ lệ 92,6%, trong đó mức tốt 14/27 giáo viên, đạt 51,9%; Năm học 2022-2023 có 24/26 giáo viên đạt mức khá trở lên, đạt tỷ lệ 92,3%, trong đó mức tốt 14/26 giáo viên, đạt 53,8%; Năm học 2023-2024 có 25/27 giáo viên đạt mức khá trở lên, đạt tỷ lệ 92,6%, trong đó mức tốt 10/27 giáo viên, đạt 37%; Năm học 2024-2025 có 24/25 giáo viên đạt mức khá trở lên, đạt tỷ lệ 96%, trong đó mức tốt 12/25 giáo viên, đạt 48% [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình GDMN theo quy định. 100% giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn. Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại đạt trở lên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN, trong đó tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá, tốt cao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn trường, sinh hoạt chuyên môn cụm xã...dưới nhiều hình	CBQL, giáo viên.	TT 26/TT-BGDĐT, ngày 8 tháng 10 năm 2018 chuẩn nghề nghiệp GVMN.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không

thức.				
Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chuẩn nghề nghiệp cho giáo viên theo yêu cầu của thông tư.	CBQL, giáo viên.	TT 26/TT-BGDĐT, ngày 8 tháng 10 năm 2018 chuẩn nghề nghiệp GVMN.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;*
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có tổng số 6 nhân viên để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công gồm: 01 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên y tế học đường kiêm nhiệm công tác văn thư, thủ quỹ, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên phục vụ, 02 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn [H1-1.7-02]; [H2-2.3-01]

Các nhân viên trong nhà trường được Hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và năng lực thực tế theo vị trí việc làm [H1-1.7-02].

Nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, tổ chức tốt công tác nấu ăn, chăm sóc sức khỏe cho trẻ và bảo quản tốt cơ sở vật chất trong nhà trường, hằng năm các nhân viên đều được hiệu trưởng đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 2

Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định: 01 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ (hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022), 01 nhân viên y tế học đường kiêm nhiệm công tác văn thư, thủ quỹ, 01 nhân viên kế toán; 02 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn [H1-1.7-02]; [H2-2.3-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 3

Các nhân viên trong nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm và được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học, nhân viên y tế có bằng trung cấp [H2-2.3-03]; nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nấu ăn [H2-2.3-04]; [H2-2.3-05]; nhân viên bảo vệ được tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp và công tác phòng cháy, chữa cháy [H2-2.3-06].

Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm: Nhân viên y tế được bồi dưỡng công tác y tế trường học và bồi dưỡng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, nhân viên nấu ăn được bồi dưỡng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm; nhân viên kế toán được bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ theo vị trí được phân công và được bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ [H2-2.3-05]; [H2-2.3-06].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định, có trình độ đào tạo theo chuyên ngành, các nhân viên được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ đảm bảo hiệu quả công việc. Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
-----------------------------------	--------------------	------------------------	---------------------	------------------

Nhà trường tiếp tục duy trì số lượng nhân viên hiện có và tham mưu bổ sung nhân viên thư viện theo quy định. Thực hiện phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc của mỗi nhân viên.	Nhân viên.	Phân công nhiệm vụ.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Nhà trường tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên được tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo theo quy định.	Nhân viên	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	5.000.000
Nhân viên tự xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng, cập nhật kiến thức nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn cho bản thân về công tác y tế, nhân viên kế toán, nhân viên nấu ăn.	CBQL, nhân viên y tế, nấu ăn.	Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ y tế, kế toán, nấu ăn, vệ sinh an toàn thực phẩm.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV, NV đảm bảo số lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng được các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có bằng đại học sư phạm, có thời gian công tác liên tục trong ngành GDMN từ 20 năm trở lên, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng đều được xếp loại tốt theo chuẩn Hiệu trưởng. Nhà trường có 100% giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn, có đủ số lượng và cơ cấu hợp lý đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. Tính đến thời điểm đánh giá có 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, trong đó số giáo viên được xếp loại tốt theo chuẩn nghề nghiệp đạt mức cao.

Trường có đủ nhân viên theo quy định, có trình độ đào tạo theo chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được đánh

giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả công việc. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 1: 3/3*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 2: 3/3*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 3: 3/3*

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Trường Mầm non Noong Luồng được xây dựng ở Trung tâm xã Thanh Yên với diện tích đất 5.861,8m², khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Nhà trường có cổng trường, biển tên trường, tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Có nguồn nước sạch đủ cho các hoạt động CSGD trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Các khu trải nghiệm cho trẻ: Khu trải nghiệm khơi nguồn sáng tạo, vườn cổ tích, khu phát triển vận động, thư viện xanh, sân chơi, các khu vực cho trẻ chơi bảo đảm yêu cầu. Có đủ các khối phòng nuôi dưỡng, CSGD trẻ, khu sinh hoạt chung, hiên chơi đảm bảo về diện tích và các thiết bị, hệ thống chiếu sáng phục vụ cho công tác CSGD trẻ, các phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, khối phòng hành chính-quản trị, khối phụ trợ, khối phòng tổ chức ăn, hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình đảm bảo theo văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Nhà trường có bếp ăn gồm: Khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến thực phẩm, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều, kho bếp được phân chia kho lương thực và kho thực phẩm, thiết bị bảo quản thực phẩm, đủ các thiết bị đồ dùng đảm bảo theo quy định, hằng năm được kiểm kê, sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng nhu cầu tổ chức nuôi dưỡng, CSGD trẻ.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

a) *Vị trí đặt trường, điểm trường;*

b) *Quy mô;*

c) *Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trường Mầm non Noong Luồng được xây dựng, đặt địa điểm trung tâm tại bản

Huổi Phúc, xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên; Các điểm trường gồm: điểm trường Noong Luống được xây dựng tại bản Noong Luống và điểm trường A1 được xây dựng tại Thôn A1 xã Thanh Yên; Vị trí trung tâm và các điểm trường phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục địa phương, môi trường xung quanh đảm bảo an toàn, có hệ thống giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ đến trường, đáp ứng yêu cầu phòng, chống, cháy, nổ [3.1-01].

Năm học 2025-2026 nhà trường có 12 phòng học với tổng số 263 học sinh; nhóm trẻ có 4 phòng học với 73 học sinh, mẫu giáo có 8 phòng học với 190 học sinh trong đó có 3 lớp mẫu giáo 5- 6 tuổi với 78 học sinh. Các lớp được phân chia theo độ tuổi với số trẻ không vượt quá quy định tại điều lệ trường mầm non. Các lớp được tổ chức thành nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo đơn, mẫu giáo ghép, không có nhóm trẻ ghép [H1-1.5-02].

Trường có tổng diện tích đất 5.861,8m², trong đó điểm trường Trung tâm 2.007,7m²; điểm trường A1: 2.554,1m²; điểm trường Noong Luống: 1.300m². Nhà trường có tổng diện tích khu đất xây dựng 3.232,8m² (đạt 55,1%). Diện tích sân vườn, cây xanh, sân chơi, bãi tập 2.629m² (đạt 44,9%) bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định (9,3m²/trẻ) [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường được đặt ở vị trí trung tâm xã, các điểm trường đặt tại các đội bản, khu vực đông dân cư, giao thông thuận lợi cho phụ huynh đưa đón trẻ đến trường. Trường có quy mô 12 nhóm, lớp đảm bảo theo quy định tại văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình quân vượt quy định. Có khuôn viên có tường xây bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ. Nhà trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập, có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời đảm bảo theo quy định. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục thể chất, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời, có các khu vực cho trẻ trải nghiệm như: Khu trải nghiệm khám phá, vườn cỏ tích, vườn rau, vườn cây của bé, các góc địa phương, thư viện thân thiện so với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu: Nhà trường còn 1.300m² điểm trường Noong Luống chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường lập tờ trình UBND xã để hoàn	Ban giám hiệu, UBND xã, Chi	Tờ trình	Năm học 2025 -	Không

thiện các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho điểm trường Noong Luống.	nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực II		2026	
Tham mưu với UBND xã hằng năm cấp kinh phí cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất trường lớp.	CBQL, GV, NV	Tờ trình; Xây dựng kế hoạch;	Năm 2025 và những năm tiếp theo	2.000.000.000đ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- c) Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường tổ chức nấu ăn), khối phụ trợ.

Mức 2:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- c) Khối phụ trợ.

Mức 3:

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính - quản trị theo quy định tại văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, bao gồm: 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 văn phòng trường; 01 phòng dành cho nhân viên; 01 phòng bảo vệ; 01 khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; 03 khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Phòng Hiệu trưởng có diện tích 22m², 01 phòng phó Hiệu trưởng có diện tích 15m², văn phòng trường có diện tích 17m², phòng nhân viên 16m², phòng bảo vệ 16m² được đặt ở gần lối ra vào cổng trường, có vị trí quan sát thuận lợi; 01 khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, có phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; 03 khu để xe với tổng diện tích 120m², có mái che, đủ chỗ cho cán bộ, giáo viên,

nhân viên trong trường. Các khối phòng hành chính-quản trị được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, có đầy đủ trang thiết bị, máy vi tính và các phương tiện làm việc [3.2-01].

Nhà trường có 12 phòng sinh hoạt chung được xây dựng kiên cố đảm bảo mỗi nhóm, lớp có một phòng để tổ chức các hoạt động chơi, ăn, ngủ với diện tích mỗi phòng là 40m^2 và 01 phòng ngủ dành cho nhóm trẻ 25-36 tháng điểm trường A1 với diện tích là 36m^2 ; có 6 kho nhóm, lớp với diện tích $6\text{m}^2/\text{kho}$ (04 kho tại trung tâm; 02 kho tại điểm trường A1). Có 02 phòng giáo dục thể chất với tổng diện tích 170m^2 (01 phòng tại trung tâm với diện tích 70m^2 , 01 phòng tại điểm trường A1 với diện tích 100m^2) được xây dựng bán kiên cố và có đầy đủ đồ dùng phát triển vận động đảm bảo theo quy định; có 02 phòng giáo dục nghệ thuật tổng diện tích 120m^2 (01 phòng tại trung tâm, 01 phòng tại điểm trường A1, mỗi phòng có diện tích 60m^2) được xây dựng kiên cố, có đàn, gương, gióng múa, trang phục cho trẻ hoạt động; 02 phòng thư viện cho bé với tổng diện tích 76m^2 (01 phòng tại trung tâm với diện tích 16m^2 , 01 phòng tại điểm trường A1 với diện tích 60m^2) được xây dựng kiên cố. Các phòng chức năng đều có đủ đồ dùng, tài liệu, trang thiết bị cần thiết đáp ứng nhu cầu hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ của nhà trường [3.2-02]. Khu vệ sinh được xây dựng liên thông với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ qua hành lang giao thông, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát, hệ thống thiết bị cấp nước phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo vệ sinh, có vách ngăn cao 1,5m giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu, có 18 tiểu treo dùng cho trẻ em trai, các khu vệ sinh có 15 xí bệt và 28 xí xôm dùng cho trẻ. Khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng với tiêu chuẩn 08 trẻ em/chậu rửa, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi; có nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái, diện tích bình quân $0,43\text{m}^2/\text{trẻ em}$ [3.2-03]. Hiên chơi, đón trẻ em thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt của trẻ em khi trời mưa, nắng có diện tích 260m^2 đảm bảo $0,5\text{ m}^2/\text{trẻ}$ và diện tích thông thủy là 2,1m, xung quanh hiên chơi có lan can với chiều cao là 1m. Nhà trường có hệ thống chiếu sáng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng; hệ thống quạt và thông gió phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo ấm về mùa đông, mát về mùa hè [3.2-04].

Nhà trường có 01 bếp ăn được xây dựng kiên cố, có khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến thực phẩm, khu nấu ăn, khu chia ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động một chiều. Hàng năm bếp ăn được tôn tạo nâng cấp mua sắm bổ sung trang thiết bị cần thiết nhằm đảm bảo cơ sở vật chất cho công tác tổ chức ăn bán trú của trường. Kho bếp của nhà trường được xây dựng kiên cố có diện tích 16m^2 , phân chia riêng kho lương thực và kho thực phẩm, có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm, có thiết bị bảo quản thực phẩm, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản tối thiểu trong

24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [3.2-05]. Khối phụ trợ của nhà trường gồm 01 phòng họp sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và sinh hoạt chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp được trang bị đầy đủ các thiết bị máy tính... phục vụ cho tổ chức các hoạt động; phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc có các loại thuốc thiết yếu, các trang thiết bị và đồ dùng theo dõi sức khỏe cho trẻ, có bảng theo dõi sức khỏe trẻ, kế hoạch công tác y tế tháng/năm, kế hoạch phục hồi trẻ suy dinh dưỡng, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ, có sơ đồ xử trí sốc phản vệ; có đầy đủ máy móc, thiết bị, dụng cụ sơ cứu, tủ đựng hồ sơ sổ sách; 01 nhà kho để dụng cụ chung và học phẩm của trường được xây dựng kiên cố [3.2-06]; có sân vườn rộng rãi thoáng đãng với nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, sân bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ thuận lợi để tổ chức các hoạt động vui chơi tập thể; Khuôn viên của trường, các điểm trường được ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây; cổng trường, điểm trường kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường [3.2-07].

Mức 2

Khối phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo diện tích và các trang thiết bị theo đúng quy định văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDDT ngày 31/12/2024 quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường MN, TH, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học bao gồm: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng phó Hiệu trưởng, 01 văn phòng trường; 01 phòng dành cho nhân viên; 01 phòng bảo vệ; khu vệ sinh, khu để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên [3.2-01].

12 nhóm, lớp của nhà trường đều là phòng sinh hoạt chung của được xây dựng kiên cố đảm bảo diện tích mỗi phòng là $40m^2$, trong đó 01 nhóm trẻ có phòng ngủ riêng với diện tích phòng là $36m^2$ /phòng; có 6 kho nhóm, lớp với diện tích mỗi kho là $6m^2$ /kho. Có 02 phòng giáo dục thể chất diện tích $170m^2$, 02 phòng nghệ thuật diện tích $120m^2$, 02 phòng thư viện cho bé với diện tích $60m^2$, các phòng được xây dựng kiên cố và có đầy đủ đồ dùng trang thiết bị cần thiết đáp ứng nhu cầu hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ của nhà trường [3.2-02]. Các khu vệ sinh trung tâm và điểm trường được xây dựng ở khu vực thuận tiện liên thông với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, vị trí dễ quan sát, đảm bảo vệ sinh, có nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái. Có hệ thống thiết bị cấp nước phù hợp với điều kiện thực tế, có vách ngăn cao 1,50m. Các khu vệ sinh đều có đủ số lượng tiểu treo, xí bệt đảm bảo số lượng và quy chuẩn theo quy định. Khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng đảm bảo đủ 08 trẻ em/chậu rửa, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi [3.2-03]. Hiên chơi đảm bảo diện tích thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt của trẻ em, xung quanh hiên chơi có lan can với chiều cao là 01m. Hệ thống chiếu sáng của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng; hệ thống quạt và thông gió đảm bảo ấm về mùa đông, mát về mùa hè [3.2-04].

Khối phụ trợ của nhà trường gồm 01 phòng họp, được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành; phòng y tế có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu, có giường bệnh, tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, các trang thiết bị và đồ dùng, dụng cụ sơ cứu, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ, có sơ đồ xử trí sốc phản vệ, tủ đựng hồ sơ sổ sách; 01 nhà kho để dụng cụ chung và học phẩm của trường được xây dựng bán kiên cố [3.2-06]; có sân vườn rộng rãi thoáng đãng với nhiều cây xanh, bãi cỏ không trơn trượt, mát mẻ thuận lợi để tổ chức các hoạt động vui chơi tập thể; cổng trường kiên cố có gắn biển tên trường, hàng rào tường xây vững chắc, an toàn [3.2-07].

Mức 3

Nhà trường có các phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em được bổ sung các phân khu chức năng, có hiên che phía trước và phía sau để trẻ tham gia các hoạt động thuận lợi, an toàn, có 5/12 nhóm, lớp có kho để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập. Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật của nhà trường đảm bảo số lượng và diện tích theo quy định tại văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường MN, TH, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Nhà trường còn có 02 phòng thư viện cho bé với diện tích 60m² với nhiều tư liệu và trang thiết bị phong phú hỗ trợ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ [3.2-02]. Tuy nhiên nhà trường chưa có phòng làm quen tin học, ngoại ngữ để trẻ làm quen với công nghệ thông tin, ngoại ngữ của trẻ em. Một số hạng mục công trình còn là công trình xây dựng bán kiên cố.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn; khối phụ trợ đảm bảo theo quy định tại văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường MN, TH, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học

Nhà trường có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được bổ sung các phân khu chức năng, có khu ngủ riêng cho trẻ nhà trẻ, có đủ trang thiết bị, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các phòng học có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo cho hoạt động CSGD trẻ; có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có 02 phòng giáo dục thể chất, 02 phòng giáo dục nghệ thuật, 02 phòng thư viện đảm bảo diện tích với đầy đủ các thiết bị, đồ dùng theo quy định. Có 6/12 nhóm, lớp có kho để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ

sinh hoạt và học tập và được xây dựng bán kiên cố.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa có phòng làm quen tin học, ngoại ngữ để trẻ làm quen với công nghệ thông tin, ngoại ngữ. Một số hạng mục công trình còn là công trình xây dựng bán kiên cố.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường định kỳ rà soát, xây dựng kế hoạch để tham mưu với UBND xã Thanh Yên đầu tư, tu sửa nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung các thiết bị dạy học học liệu vào các khối phòng.	CBQL	Kế hoạch chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường, tờ trình, kế hoạch XHH GD	Năm 2025 và những năm tiếp theo	200.000.000 đồng.
CBQL, GV, NV tuyên truyền vận động tài trợ các nguồn hỗ trợ trang cấp bổ sung các thiết bị dạy học cho các phòng học.	CBQL, GV, NV	Thư ngỏ Kế hoạch	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Không
Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch XHH GD.	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

- a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và thu gom rác thải;
- b) Tỷ lệ các hạng mục kiên cố;
- c) Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi.

Mức 2:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu

chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 3:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ nguồn nước giếng khoan, được qua hệ thống máy lọc nước đảm bảo các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu sử dụng phục vụ ăn uống và nước sinh hoạt cho GV, NV và trẻ. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đảm bảo theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT ngày 15/5/2016 của BGD&ĐT và Bộ y tế; có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác và xử lý rác hằng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [3.3-01], [H3-3.3-02]; hệ thống cấp điện bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ các hoạt động của trường [3.3-03], [H3-3.3-04]; hệ thống phòng cháy, chữa cháy của nhà trường đảm bảo theo các quy định hiện hành: Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, Thông tư số 08/2018/TT-BCA, ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP của Chính phủ về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC, Thông tư số 150/2020/TT-BCA, ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an và luật phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ 55/2024/QH15 ngày 29/11/2024 [H3-3.3-05]. Trường có hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc đầy đủ với điện thoại và mạng internet phục vụ nhu cầu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và các hoạt động khác trong nhà trường [H3-3.3-06]; Khu thu gom rác thải của trường được bố trí hợp lý, cuối hướng gió thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường [3.3-01].

Khối phòng hành chính quản trị [3.2-01]; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [3.2-02]; khối phòng tổ chức ăn [3.2-05]; khối phụ trợ [3.2-06] có hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đạt 82,9% và cấp công trình xây dựng (sân vườn, đường nội bộ, hàng rào...) đạt cấp IV.

12/12 nhóm, lớp có đầy đủ thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu

tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.3-07]. Hằng năm nhà trường lựa chọn đồ chơi, học liệu theo thông tư 47/2020/TT-BGDĐT, chỉ đạo các nhóm, lớp làm đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tính giáo dục, an toàn, bền đẹp phù hợp với các chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.2-05] [3.3-08].

Mức 2

Các hạng mục công trình khối phòng hành chính quản trị [3.2-01]; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [3.2-02]; khối phòng tổ chức ăn [3.2-05]; khối phụ trợ [3.2-06] được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ công trình kiên cố đạt 82,9%.

Mức 3

Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình khối phòng hành chính quản trị [3.2-01]; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [3.2-02]; khối phòng tổ chức ăn [3.2-05]; khối phụ trợ [3.2-06] được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, có thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đạt 82,9% và cấp công trình xây dựng đạt cấp IV.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tỷ lệ các công trình kiên cố đạt 82,9% và cấp công trình xây dựng đạt cấp IV. Có hệ thống nước sạch và hệ thống cấp điện đảm bảo cung cấp đầy đủ nước sạch và điện phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, đáp ứng nhu cầu sử dụng. Hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà trường được bổ sung và được các cấp kiểm tra đánh giá hằng năm đảm bảo theo quy định, hạ tầng công nghệ thông tin với đầy đủ trang thiết bị hiện đại: Mạng internet, máy tính, máy chiếu, phòng họp trực tuyến....phục vụ hoạt động quản lý cũng như hoạt động dạy học. Khu thu gom và xử lý rác thải được quy hoạch bố trí hợp lý, đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu: Một số hạng mục công trình của nhà trường còn là bán kiên cố, mật độ sử dụng đất chưa đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải phát huy điểm mạnh khắc phục điểm yếu	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch, đề ra	Cán bộ quản lý, giáo	Kế hoạch tài chính ngắn	Trong năm 2025	100 triệu đồng

những giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình, sử dụng có hiệu quả trang thiết bị của các khối phòng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.	viên, nhân viên.	hạn, trung hạn, văn bản tham mưu bổ sung kinh phí.		
Nhà trường định kỳ rà soát, xây dựng kế hoạch tu sửa nâng cấp, bổ sung các thiết bị dạy học học liệu vào các phòng ban. Tiếp tục tham mưu với UBND xã xây dựng kiên cố phòng nhân viên, hành chính quản trị, nhà kho của nhà trường.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường, Kế hoạch XHH GD; tờ trình.	Năm 2025	800.000.000 đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Trung tâm và các điểm trường đặt tại các thôn, đội, bản, khu vực đông dân cư, giao thông thuận lợi. Trường có quy mô 12 nhóm, lớp với số lượng học sinh được phân chia theo độ tuổi theo đúng quy định Điều lệ trường mầm non. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho trẻ vượt quy định. Có tường xây bao quanh trung tâm và các điểm trường đảm bảo an toàn cho trẻ. Nhà trường có hệ thống bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây xanh sạch đẹp dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập. Các khu vui chơi, khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục thể chất với đủ đồ dùng đồ chơi và trang thiết bị theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời, có nhiều đồ chơi tự tạo cho trẻ hoạt động tích cực, hiệu quả.

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật; khối phòng tổ chức ăn; khối phụ trợ đảm bảo theo quy định tại văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024.

Các phòng sinh hoạt chung đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo,

được bổ sung các phân khu chức năng, có 01 phòng ngủ cho trẻ nhà trẻ tại điểm trường A1, có đủ trang thiết bị. Hệ thống chiếu sáng của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng; hệ thống quạt và thông gió đảm bảo ấm về mùa đông, mát về mùa hè. Có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có 02 phòng giáo dục thể chất, 02 phòng giáo dục nghệ thuật, 02 khu thư viện đảm bảo diện tích với đầy đủ các thiết bị, đồ dùng theo quy định.

Nhà trường có hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố, bán kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, tỷ lệ các công trình kiên cố đạt 82,9%, các cấp công trình xây dựng đạt cấp IV. Nhà trường có hệ thống nước sạch, hệ thống cấp điện đảm bảo cung cấp đầy đủ nước sạch và điện phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà trường đảm bảo theo các quy định hiện hành và luật phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. Hạ tầng công nghệ thông tin với đầy đủ trang thiết bị hiện đại: Mạng internet, máy tính, máy chiếu, phòng họp trực tuyến....phục vụ hoạt động quản lý cũng như hoạt động dạy học. Khu thu gom và xử lý rác thải được quy hoạch bố trí hợp lý, đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 1: 3/3

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 2: 2/2

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 3: 0/2

+ Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu ở mức 3: 2/2

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

“Giáo dục trẻ em là việc chung của gia đình, trường học và xã hội, phải cùng nhau phụ trách”, làm theo lời Bác dạy, công tác XHH luôn được nhà trường chú trọng đổi mới và nhận được sự ủng hộ tích cực của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, phụ huynh và của CBQL, GV, NV trong nhà trường. Qua đó xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội.

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, các lớp có Ban đại diện cha mẹ trẻ em của lớp được hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em. Nhà trường có nhiều biện pháp và hình thức phong phú để tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ CSGD trẻ khi ở nhà; chỉ đạo giáo viên thường xuyên trao đổi, phối kết hợp với cha mẹ trẻ nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ.

Nhà trường chủ động trong công tác tham mưu với cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp

xanh-sạch-đẹp, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của nhà trường được thành lập hằng năm và hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, gồm: trưởng ban, phó trưởng ban; các nhóm, lớp đều có Ban đại diện cha mẹ trẻ em của nhóm, lớp [H1-1.1-06].

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, nhóm, lớp có kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban đại diện cha mẹ trẻ em theo năm học [H1-1.1-06].

Hằng năm Ban đại diện cha mẹ trẻ em triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động theo kế hoạch, các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, nhóm, lớp có hiệu quả cao. Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối kết hợp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong năm học của nhà trường và các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ; phối hợp tổ chức các hoạt động trải nghiệm giáo dục, tổ chức lễ hội và các hoạt động phối hợp khác quy định trong Điều lệ trường Mầm non [H1-1.1-06]; [H1-1.3-03].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của nhà trường và của các nhóm, lớp phối hợp tích cực, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục trẻ [H1-1.1-06]; tham gia cùng cô và trẻ trong các

hoạt động CSGD trẻ, hoạt động tham quan, trải nghiệm, tổ chức các ngày lễ trong năm như: Tổ chức tết trung thu, trải nghiệm hội xuân, tuần lễ dinh dưỡng, ngày hội nghệ thuật, trải nghiệm văn hoá địa phương, giao lưu "Tôi yêu Việt Nam", xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, xây dựng trường học hạnh phúc... Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục (chế độ hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, chính sách trẻ khuyết tật, trẻ hộ nghèo...) tới các bậc phụ huynh như: Xây dựng mô hình trường học hạnh phúc với các hoạt động trải nghiệm kết hợp cùng phụ huynh tham gia tổ chức thu hút được sự quan tâm của các ban ngành trên địa bàn xã [H1-1.1-06]; [H1-1.3-03].

Mức 3

Hằng năm Ban đại diện cha mẹ trẻ em đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em, huy động các nguồn lực hỗ trợ các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ như: Huy động trẻ ra lớp, huy động ngày công lao động, tu sửa, tôn tạo cảnh quan môi trường, hỗ trợ nguyên vật liệu địa phương cho trẻ trải nghiệm góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ [H1-1.1-06]; [1.6-10].

1. Điểm mạnh

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, nhóm, lớp. Ban đại diện cha mẹ trẻ em được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn quy định, có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động CSGD trẻ; tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Tích cực hỗ trợ, tham gia các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ, ủng hộ ngày công lao động, tôn tạo cảnh quan môi trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trẻ toàn diện.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tổ chức họp cha mẹ trẻ em của các nhóm, lớp, nhà trường đề kiến toàn Ban đại diện cha mẹ trẻ em.	CBQL, giáo viên, Cha mẹ trẻ các lớp	Quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em.	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo	Không

Thảo luận và xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em	Ban đại diện cha mẹ trẻ	Kế hoạch hoạt động, quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo	Không
Phát huy vai trò của cha mẹ trẻ em thực hiện kế hoạch của nhà trường và của ban đại diện cha mẹ trẻ em	Cha mẹ trẻ em và người nuôi dưỡng trẻ	Phối hợp trong các hoạt động nuôi dưỡng CSGD trẻ	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp Ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường;

Mức 1:

a) Tham mưu cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp Ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp Ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường đã chủ động và làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2025-2030; xác định giải pháp cụ thể trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để

phát triển nhà trường như xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, kế hoạch duy trì Phổ cập Giáo dục trẻ năm tuổi; tham mưu huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, tham mưu xây dựng mạng lưới quy mô trường lớp [H1-1.1-01]; [H1-1.5-01], xây dựng kế hoạch vận động tài trợ [1.6-10], kế hoạch thực hiện đề án tăng cường tiếng Việt, kế hoạch thực hiện chuyên đề "Tôi yêu Việt Nam", "Xây dựng trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm" [H4-4.2-01].

Hằng năm nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của phụ huynh và cộng đồng về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành về các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường dưới nhiều hình thức như: Phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng làm tốt công tác tuyên truyền qua loa phóng thanh của thôn, đội, bản, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón, trả trẻ hằng ngày, qua các buổi họp phụ huynh [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03].

Nhà trường tích cực tham mưu với cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương để huy động và sử dụng nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường. Trong 5 năm liên tiếp đến thời điểm đánh giá, nhà trường làm tốt công tác XHD GD huy động các nguồn lực cho công tác giáo dục tại đơn vị với tổng kinh phí: 2.118.250.000 đồng, trong đó: Năm học 2021-2022 tổng số tiền huy động là 98.750.000 đồng và 684 công lao động của phụ huynh; năm học 2022-2023 tổng số tiền huy động là 54.500.000 đồng với 598 công lao động của phụ huynh; năm học 2023-2024 tổng số tiền huy động là 1.207.000.000 đồng với 650 công lao động của phụ huynh; năm học 2024-2025 tổng số tiền huy động là 58 triệu đồng với 513 công lao động của phụ huynh; năm học 2025-2026 huy động 175 công lao động của phụ huynh (tính đến tháng 09 năm 2025) để tu sửa, cải tạo cơ sở vật chất, xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tổ chức các hoạt động trải nghiệm giáo dục và lễ hội trong năm học (tết trung thu, trải nghiệm tết mùa xuân, tuần lễ dinh dưỡng cho trẻ, trải nghiệm văn hoá địa phương...) [H1-1.3-03].

Mức 2

Trong các năm qua nhà trường đã tham mưu với các cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục như: huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, kế hoạch vận động tài trợ; nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, nâng cao chất lượng đội ngũ [H1-1.1-01] ; [1.6-10]; [H1-1.3-03].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân tổ chức các hoạt

động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ do ngành và địa phương tổ chức. Phối kết hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường như: Đoàn Thanh niên, Công đoàn tổ chức các đợt giao lưu văn nghệ như: Hội thi bé thi bé khỏe bé ngoan, hoạt động trải nghiệm ngày Tết, ngày hội thể thao của bé, ngày hội văn hoá các dân tộc, ngày tết trung thu, ngày 20/10, 20/11, 8/3, ngày hội đến trường của bé, tổ chức trung thu cho trẻ, trải nghiệm chúng tôi là chiến sĩ, trải nghiệm làm các loại bánh, giao lưu "Tôi yêu Việt Nam" các hoạt động lễ hội, phù hợp với truyền thống địa phương [H1-1.3-03]; [4.2-04].

Mức 3

Nhà trường tích cực, chủ động tham mưu với cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp hiệu quả với các tổ chức, cá nhân, cộng đồng tổ chức các hoạt động văn hóa, giáo dục, tuyên truyền; là nơi lan tỏa tri thức, giá trị văn hóa, góp phần xây dựng đời sống văn hóa, học tập tại địa phương, xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhà trường đã được UBND huyện Điện Biên công nhận là cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hoá từ năm 2019-2023 [H4-4.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục, thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển theo năm học, giai đoạn nhằm nâng cao các điều kiện về cơ sở vật chất trường lớp, đáp ứng với yêu cầu CSGD trẻ. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, huy động các nguồn lực để xây dựng cảnh quan trường lớp sạch đẹp, an toàn cho trẻ hoạt động. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, trải nghiệm giáo dục phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhiều năm liền nhà trường đạt danh hiệu đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
--	---------------------------	-------------------------------	----------------------------	-------------------------

Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với cấp Ủy Đảng chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện phù hợp với truyền thống của địa phương.	CBQL	Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể.	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo	Không
Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục.	CBQL	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền.	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo	Không
Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền và vận động các tổ chức, cá nhân, đơn vị trong và ngoài địa bàn tham gia, hỗ trợ vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.	CBQL, GV, NV, Ban đại diện cha mẹ trẻ em	Tuyên truyền, vận động	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Hàng năm nhà trường thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ.

Ban đại diện cha mẹ trẻ thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Chủ động phối kết hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao chất lượng CSGD trẻ. Nhà trường tham mưu phối kết hợp chặt chẽ tới các cấp Ủy Đảng chính quyền địa phương và huy động hàng nghìn ngày công lao động của hội cha mẹ trẻ em, tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường nhằm đảm bảo các tiêu

chuẩn của trường kiểm định chất lượng, đồng thời phối kết hợp trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường.

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 1: 2/2*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 2: 2/2*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 3: 2/2*

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, CSGD trẻ

Mở đầu

Chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục là nhiệm vụ trọng tâm và giữ vai trò vô cùng quan trọng và có ý nghĩa đặc biệt đối với mỗi gia đình và Trường Mầm non. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ vừa là mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng luôn được nhà trường đặt lên hàng đầu. Để chất lượng giáo dục toàn diện của trẻ ngày một nâng cao, nhà trường luôn tích cực đổi mới công tác quản lý, công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, phát triển chương trình đảm bảo phù hợp với khả năng của trẻ, văn hóa địa phương, với thực tế của trường; định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ, đa dạng về hình thức, linh hoạt vận dụng phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển toàn diện.

Nhà trường làm tốt công tác phối kết hợp với cơ sở y tế của địa phương thực hiện nghiêm túc việc cân đo khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy định, phát hiện những trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi để có hướng phục hồi phòng chống kịp thời suy dinh dưỡng, thấp còi cho trẻ. Chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi. Hằng năm số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN là 100%.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình GDMN

Mức 1:

a) *Tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo kế hoạch.*

b) *Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, phù hợp với văn hóa điều kiện của địa phương, trường mầm non và khả năng, nhu cầu của trẻ*

c) *Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN và có điều chỉnh kịp thời phù hợp.*

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và trường mầm non.

b) Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, phù hợp với văn hóa điều kiện của địa phương, trường mầm non và khả năng, nhu cầu của trẻ

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non, cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán đã xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp khả năng của trẻ, điều kiện thực tiễn của trường và bối cảnh của địa phương [H1-1.2-07]; sau khi hội đồng trường phê duyệt Chương trình giáo dục nhà trường sẽ được công khai trên Website của trường [1.1-03].

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp quy định về chuyên môn, phù hợp với thực tế của nhà trường [H1-1.2-07]; trên cơ sở đó các giáo viên xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục của các nhóm, lớp theo năm học, tháng/chủ đề/tuần phù hợp với thực tế nhóm, lớp, khả năng nhận thức của trẻ và triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi [H1-1.8-01]

Hằng năm nhà trường, các nhóm, lớp định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN ở các thời điểm trong năm học như: đánh giá trẻ hàng ngày, đánh giá trẻ cuối chủ đề, tròn tháng, cuối mỗi độ tuổi. Từ đó có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với trẻ [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

Mức 2

Nhà trường tổ chức thực hiện chương trình GDMN đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và trường mầm non [H1-1.2-07]. Triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch chủ đề và kế hoạch tuần, ngày hiệu quả, sáng tạo [H1-1.8-01].

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, lựa chọn các mục tiêu, nội dung, xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề, phù

hợp với điều kiện của nhóm lớp đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ và phù hợp với văn hóa địa phương [H1-1.2-07]. Tích cực tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định để nâng cao chất lượng giáo dục trẻ toàn diện. Tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm phù hợp với khả năng và nhu cầu nhận thức, hứng thú của trẻ theo từng độ tuổi, tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, mục tiêu cần đạt cuối độ của trẻ phù hợp quy định về chuyên môn của các cấp, điều kiện của nhà trường [H1-1.3-03]; [4.2-04].

Mức 3

Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành [H1-1.2-07], đồng thời tham khảo phương pháp giáo dục tiên tiến như STEM/STEAM ứng dụng vào việc xây dựng môi trường và tổ chức các hoạt động cho trẻ nhằm kích thích trẻ tham gia tư duy, sáng tạo... đưa công nghệ số vào Chương trình giáo dục qua việc tổ chức các hoạt động như cho trẻ làm quen với toán, làm quen chữ cái, các video thiết kế bài giảng qua việc sử dụng công nghệ AI hiệu quả phù hợp với thực tiễn của trường địa phương [4.2-04].

Hằng năm có tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng, phát triển và tổ chức thực hiện Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp theo quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, phù hợp khả năng của trẻ, điều kiện thực tế của nhà trường và xu thế phát triển giáo dục của thế giới; định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với bối cảnh văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng, hứng thú của trẻ. Hằng năm nhà trường tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN, đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên, chất lượng trẻ từ đó kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ.

2. Điểm yếu:

Việc vận dụng tham khảo Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới hiệu quả áp dụng chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện và phát triển chương trình	CBQL, tổ trưởng, giáo viên cốt	Chương trình GDMN; Bồi dưỡng chuyên	Trong năm học 2025-2026 và	Không

GDMN. Đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN, tư vấn, kiểm tra, rà soát hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch lựa chọn các nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp.	cán.	môn CBQL, giáo viên	các năm tiếp theo.	
Tiếp tục tham khảo và áp dụng Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định vào tổ chức các hoạt động giáo dục có hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Bồi dưỡng chuyên môn CBQL, giáo viên theo chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT, của nhà trường	Trong các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng mở, an toàn; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục mầm non, phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi".

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường chỉ đạo giáo viên tích cực đổi mới giáo dục, vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ đảm bảo các mục tiêu, nội dung giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục của độ tuổi, nhu cầu phát triển của trẻ mầm non và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.2-07]; [H1-1.8-01].

Nhà trường tích cực chỉ đạo các nhóm, lớp xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm theo chủ đề, tạo sự đa dạng các khu vực cho trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm, vui chơi học tập như: Thư viện thân thiện của bé, khu sáng tạo khoa học, nghệ thuật theo STEM/STEAM, khu vui chơi, khu vườn cổ tích, vườn cây của bé theo hướng mở, an toàn, tạo điều kiện tốt nhất để mọi trẻ đều có cơ hội vui chơi, khám phá, trải nghiệm, sáng tạo [4.2-04].

Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm, lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục phong phú như: hoạt động học, hoạt động chơi, lao động tự phục vụ, trải nghiệm văn hoá địa phương, trải nghiệm tuần lễ dinh dưỡng [4.2-04].

Mức 2

Nhà trường chỉ đạo các nhóm, lớp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi, phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.8-01;] trẻ được trải nghiệm ở các khu vực chơi như: thư viện của bé, khu sáng tạo khoa học, nghệ thuật theo STEM/STEAM, khu vui chơi, khu vườn cổ tích, vườn cây, vườn rau, vườn hoa...đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục mầm non. Tổ chức cho trẻ tham gia trải nghiệm các hoạt động văn hoá, văn nghệ, lễ hội, tuần lễ dinh dưỡng, tết nguyên đán và rất nhiều các hoạt động trải nghiệm rèn kỹ năng sống cho trẻ [4.2-04].

Mức 3

Hằng năm nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng, khai thác hiệu quả môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích trẻ hứng thú như: Thư viện của bé, khu sáng tạo nghệ thuật, công nghệ theo STEM/STEAM, khu vui chơi, khu cổ tích, chăm sóc vườn rau, vườn hoa, chơi trò chơi; tổ chức các ngày lễ ngày hội với nhiều hoạt động phong phú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia vào hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [4.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù

hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm/lớp và điều kiện thực tế. Chỉ đạo giáo viên tích cực đổi mới phương pháp giáo dục, vận dụng linh hoạt cách tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo các mục tiêu, nội dung giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao. Tích cực tôn tạo cảnh quang môi trường, xây dựng đa dạng các khu vực cho trẻ trải nghiệm, vui chơi học tập phù hợp với điều kiện thực tế. Tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Chỉ đạo giáo viên phát triển chương trình giáo dục nhà trường hiệu quả phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ trong lớp, điều kiện nhà trường, địa phương.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Điều kiện thực tế của nhà trường, kế hoạch giáo dục của nhà trường, của trẻ.	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không
Chỉ đạo giáo viên vận dụng sáng tạo các tiêu chí xây dựng Trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm trong xây dựng, khai thác hiệu quả môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện cho trẻ có cơ hội học tập vui chơi và trải nghiệm.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Kế hoạch giáo dục nhà trường, nhóm, lớp.	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm

học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3: Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm nhà trường phối hợp hiệu quả với Trạm y tế xã Thanh Yên tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như: Kiểm tra sức khỏe, tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh; chăm sóc mắt học đường; chăm sóc sức khỏe răng miệng; phòng, chống tật cong, vẹo cột sống; phòng chống giun sán; uống vitamin A; làm tốt công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; phòng, chống bạo lực học đường cho trẻ trong nhà trường [H5-5.3-01].

100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, kết quả theo dõi sự phát triển của trẻ tính đến thời điểm tháng 9 năm học 2025-2026: Cân nặng bình thường 243/263 trẻ, đạt 92,4%, số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 18/263 trẻ chiếm 6,8%; Béo phì: 2/263 trẻ chiếm 0,8%. Chiều cao bình thường 238/263 trẻ đạt 90,5%, trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi 25/263 trẻ chiếm 9,5%; tỷ lệ trẻ có cân nặng/chiều dài/chiều cao bình thường 207/217 đạt 95,4%. Tỷ lệ trẻ có cân nặng/chiều dài/chiều cao suy dinh dưỡng thể gầy còm 10/217 chiếm 4,6%; tỷ lệ trẻ có BMI bình thường 43/46 đạt 93,5%; tỷ lệ trẻ có BMI suy dinh dưỡng thể gầy còm 2/46 chiếm 4,3%; Béo phì 1/46, chiếm 2,2% [5.3-02]; [H5-5.3-03].

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch y tế học đường, trong đó chú trọng đến kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, béo phì, có biện pháp chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi ở các nhóm, lớp. 100% trẻ suy dinh dưỡng được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp và được cải thiện so với đầu năm học. Chế độ ăn hàng ngày của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối 4 nhóm thực phẩm, tỷ lệ calo đạt từ 615-726 Kcal, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. Giáo viên quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết xuất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy, trẻ thấp còi, suy dinh dưỡng [H5-5.3-04].

Mức 2

Nhà trường chú trọng tới công tác tư vấn, tuyên truyền cho cha mẹ trẻ hoặc

người giám hộ thực hiện các chỉ thị, công văn hướng dẫn của các cấp về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ như: Cách chăm sóc trẻ khoa học, thực hiện nghiêm túc phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm (Covid -19, chân tay miệng, thủy đậu, sốt xuất huyết, sởi rubella....) thông qua các buổi họp phụ huynh, zalo của nhóm lớp, bảng tuyên truyền hoặc trao đổi trực tiếp vào giờ đón và trả trẻ [H5-5.3-05]

Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định, cụ thể trẻ nhà trẻ gồm hai bữa ăn chính và một bữa ăn phụ, mẫu giáo một bữa ăn chính và một bữa ăn phụ, đảm bảo năng lượng phân phối cho các bữa và tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu. Thực đơn của trẻ được nhà trường xây dựng theo ngày, tuần và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm, đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 [5.3-06].

Hàng năm 100% trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, nhà trường và các nhóm, lớp xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi, thừa cân, béo phì do vậy tình trạng suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì của trẻ được cải thiện so với đầu năm học [H5-5.3-04]; .

Mức 3

Hàng năm nhà trường đều có trên 95% trẻ khỏe mạnh về chiều cao, cân nặng phát triển bình thường [H5-5.3-03]; [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với Trạm y tế xã Thanh Yên tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, thực hiện nghiêm túc thông điệp 2K của Bộ Y tế về phòng chống dịch bệnh Covid-19, tiêm phòng dịch bệnh Covid-19, tiêm phòng các bệnh dịch thường gặp ở trẻ em, uống vitamin A, tẩy giun. Xây dựng chế độ dinh dưỡng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp. Tình trạng suy dinh dưỡng, thấp còi của trẻ hàng năm được cải thiện rõ rệt so với đầu năm học.

3. Điểm yếu:

Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi còn cao, trong đó: thể nhẹ cân chiếm 6,8%; , thể thấp còi chiếm 9,5%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục phối hợp với Trạm y tế xã Thanh Yên khám sức khỏe định kỳ, tổ chức tiêm phòng dịch bệnh, uống vitamin A, tẩy giun.	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên y tế	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Trạm y tế xã Thanh Yên	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Tuyên truyền phối kết hợp với cha mẹ trẻ để có biện pháp phục hồi dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng.	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, y tế, giáo viên, cha mẹ trẻ.	Kế hoạch y tế	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Tiếp tục tuyên truyền, tăng cường phòng dịch, tiêm phòng dịch bệnh Covid-19, phòng chống dịch bệnh theo mùa, chăm sóc mắt học đường, chăm sóc sức khỏe răng miệng, phòng chống tật cong vẹo cột sống	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên y tế	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Trạm y tế xã Thanh Yên	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập được theo dõi thông qua kế hoạch giáo dục cá nhân. Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường

quan tâm và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền, duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ. Hằng năm tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 98%, trẻ dưới 5 tuổi đạt 96% trở lên [H5-5.1-01]; [H1-1.3-03].

100% trẻ 5 tuổi trong nhà trường hằng năm đều hoàn thành chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành [H5-5.4-01].

Năm học 2021-2022 trường không có trẻ khuyết tật, năm học 2022-2023 trường có 01 trẻ khuyết tật học hoà nhập, năm học 2023-2024 trường có 01 trẻ khuyết tật học hoà nhập, năm học 2024-2025 nhà trường có 02 trẻ khuyết tật, năm 2025-2026 trường có 01 trẻ khuyết tật học hoà nhập. Hằng năm các trẻ khuyết tật học hoà nhập được theo dõi, đánh giá sự tiến bộ của trẻ thông qua kế hoạch giáo dục cá nhân [H1-1.5-03]. Nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp quan tâm đến những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng kế hoạch giáo dục có lồng ghép các nội dung CSGD phù hợp với thực tế của nhóm, lớp, nhận thức và điều kiện hoàn cảnh gia đình trẻ [H1-1.3-03].

Mức 2

Giáo viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh đảm bảo tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần, hằng năm tỷ lệ chuyên cần của trẻ đều đạt từ 96% trở lên. Tính đến thời điểm tháng 10 năm học 2025-2026 tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 98%, dưới 5 tuổi đạt 96% trở lên [H5-5.1-01]; [H1-1.3-03].

Hằng năm 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN [H5-5.4-01]. Tính đến thời điểm tháng 10 năm học 2025-2026 nhà trường có tổng số 78 trẻ 5 tuổi đang học chương trình GDMN tại trường [H1-1.5-02].

Năm học 2022-2023 trường có 01 trẻ khuyết tật học hoà nhập, năm học 2023-

2024 trường có 01 trẻ khuyết tật học hoà nhập, năm học 2024-2025 nhà trường có 02 trẻ khuyết tật, năm 2025 - 2026 trường có 01 trẻ khuyết tật, 100% trẻ khuyết tật của nhà trường hằng năm được đánh giá có sự tiến bộ [H1-1.5-03].

Mức 3

Hằng năm 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN [H5-5.4-01].

Năm học 2022-2023 trường có 01 trẻ khuyết tật học hoà nhập, năm học 2023-2024 trường có 01 trẻ khuyết tật học hoà nhập, năm học 2024-2025 nhà trường có 02 trẻ khuyết tật, năm 2025 - 2026 trường có 01 trẻ khuyết tật, 100% trẻ khuyết tật của nhà trường đều có kế hoạch giáo dục cá nhân dành cho trẻ khuyết tật, được giáo viên các nhóm, lớp theo dõi, đánh giá sự tiến bộ của trẻ [H1-1.5-03]

2. Điểm mạnh

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác huy động trẻ ra lớp, duy trì trẻ chuyên cần đạt tỷ lệ cao, tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 98%, trẻ dưới 5 tuổi đạt 96% trở lên. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN. Năm học 2022-2023 trường có 01 trẻ khuyết tật học hoà nhập, năm học 2023-2024 trường có 01 trẻ khuyết tật học hoà nhập, năm học 2024-2025 nhà trường có 02 trẻ khuyết tật, năm 2025 - 2026 trường có 01 trẻ khuyết tật, 100% trẻ khuyết tật học hoà nhập của nhà trường có hồ sơ cá nhân riêng và được đánh giá có sự tiến bộ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, tổ chức nhiều hoạt động giáo dục phong phú, duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ.	CBQL, giáo viên, y tế.	Sổ theo dõi trẻ	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Chỉ đạo giáo viên tích cực thực hiện tốt chuyên đề nâng cao chất lượng chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1, đáp ứng cầu liên thông chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.	CBQL, giáo viên, cha mẹ trẻ em	Chương trình giáo dục nhà trường năm 2025-2026	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình GDMN phát triển phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương. Hằng năm tổng kết đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN, kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp xây dựng tổ chức các hoạt động giáo dục theo chương trình GDMN dưới nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. Xây dựng và khai thác hiệu quả môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo điều kiện cho tất cả các trẻ được vui chơi, thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. Hằng năm nhà trường có trẻ khuyết tật học hoà nhập, 100% trẻ khuyết tật học hoà nhập có hồ sơ cá nhân riêng và được đánh giá có sự tiến bộ. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN. Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với Trạm y tế xã tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng, thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch bệnh, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, có biện pháp can thiệp phục hồi, hiệu quả. Hằng năm tỷ lệ trẻ phát triển bình thường về chiều cao và cân nặng đạt tỷ lệ cao. Chế độ dinh dưỡng của trẻ được nhà trường xây dựng phù hợp với độ tuổi, đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi, thừa cân, béo phì được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tính đến thời điểm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện. Trong các năm học nhà trường thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt 96% trở lên, trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 98%.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 1: 4/4

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 2: 4/4

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 3: 4/4

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Nhà trường phát triển Chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13 tháng 4 năm 2021

của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Chương trình GDMN, các CBQL, giáo viên trong trường đã áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới như phương pháp dạy học STEM/STEAM để xây dựng và phát triển Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh của địa phương, điều kiện thực tế của nhà trường, phù hợp với thực tế nhóm, lớp, khả năng nhận thức của trẻ em và triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi [H1-1.2-07]; [H1-1.8-01] ; Chương trình giáo dục đã góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ các độ tuổi [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để xây dựng và phát triển Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh của địa phương, điều kiện thực tế của nhà trường, phù hợp khả năng nhận thức của trẻ em và triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ.

3. Điểm yếu: Việc vận dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thức lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục áp dụng có hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới như STEM/STEAM xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh của địa phương, điều kiện thực tế của nhà trường, tổ chức các hoạt động giáo dục có hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Bồi dưỡng chuyên môn CBQL, giáo viên	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không
Tạo điều kiện cho CBQL, giáo viên tham gia học tập bồi dưỡng kiến thức về phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước để áp dụng vào thực hiện Chương	CBQL, giáo viên	Kế hoạch học tập bồi dưỡng	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không

trình giáo dục nhà trường.				
Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học tập trung vào áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn tổ	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2: Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; Đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó ít nhất 30% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 92,3% giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá trở lên, trong đó mức tốt là từ 37% đến 53,8% cụ thể: Năm học 2021-2022 có 25/27 giáo viên đạt mức khá trở lên, đạt tỷ lệ 92,6%, trong đó mức tốt 14/27 giáo viên, đạt 51,9%; Năm học 2022-2023 có 24/26 giáo viên đạt mức khá trở lên, đạt tỷ lệ 92,3%, trong đó mức tốt 14/26 giáo viên, đạt 53,8%; Năm học 2023-2024 có 25/27 giáo viên đạt mức khá trở lên, đạt tỷ lệ 92,6%, trong đó mức tốt 10/27 giáo viên, đạt 37%; Năm học 2024-2025 có 24/25 giáo viên đạt mức khá trở lên, đạt tỷ lệ 96%, trong đó mức tốt 12/25 giáo viên, đạt 48% [H2-2.2-02].

Hàng năm, nhà trường luôn tổ chức cho giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường; bồi dưỡng, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi từ cấp trường hàng năm đạt từ 88,9% trở lên, trong đó: Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh đạt từ 4,1% trở lên; giáo viên dạy giỏi cấp huyện đạt từ 25% trở lên. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 92,3% giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá trở lên. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, tỷ lệ giáo viên dạy giỏi các cấp hàng năm cao.

3. Điểm yếu:

Năm học 2023-2024 tỷ lệ giáo viên của nhà trường được đánh giá xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN ở mức tốt mới chỉ đạt 37%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	CBQL, giáo viên.	Luật Giáo dục năm 2019	Trong năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo	Không
Đổi mới nội dung và hình thức bồi dưỡng nâng chuẩn nghề nghiệp GVMN. Phấn đấu nâng cao tỷ lệ giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức tốt	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn. TT 26/TT-BGDĐT, ngày 8 tháng 10 năm 2018 chuẩn nghề nghiệp GVMN	Trong năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo	Không
Tiếp tục tổ chức tốt hội thi giáo viên giỏi cấp trường theo quy định	CBQL, giáo viên.	Thông tư 22/2019/TT-BGDĐT quy định về hội thi giáo viên dạy giỏi	Trong năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo	Không
Tăng cường bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở các nhóm lớp với nhiều hình thức khác nhau: cấp tổ, cấp trường; tạo điều kiện cho giáo viên tham gia bồi dưỡng về phương pháp giáo dục tiên tiến hiện nay	Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên; kế hoạch tổ chức hội thi giáo viên giỏi cấp trường	Trong năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo	Không

Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế Trường Mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích 2.150m² bình quân 9,3m²/trẻ gồm sân chơi chung với diện tích 1157m² (bình quân 4,4m²/trẻ) và sân vườn cho trẻ trồng trọt, chăm sóc với diện tích 1298,7m² (bình quân 4,9m²/trẻ), sân chơi riêng 100 m² (bình quân 0,4m²/trẻ), khu trải nghiệm, sân khấu ngoài trời được trải thảm cỏ và sử dụng để tổ chức các trò chơi vận động và các hoạt động trải nghiệm giáo dục đa dạng phong phú: Thư viện thân thiện, khu vui chơi trải nghiệm giao thông, khu trải nghiệm nghệ thuật, khoa học theo STEM/STEAM, có bể cát nước, đường chạy (điểm trường A1) cho trẻ vận động... Sân chơi bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ, có cây xanh tạo bóng mát sân trường có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện. Nhà trường có vườn cây có nhiều loại cây rau, hoa quả phong phú, quy hoạch khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ chăm sóc khám phá: Trẻ được tham gia trồng, chăm sóc cây và thu hoạch rau, quả [4.2-04]. Có đủ đồ dùng, đồ chơi trang thiết bị cho trẻ hoạt động và được sắp xếp khoa học phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ [1.6-02].

2. Điểm mạnh

Trường có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp có đủ đồ dùng đồ chơi trang thiết bị theo quy định đảm bảo an toàn và tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

3. Điểm yếu: Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi tại trung tâm trường diện tích còn chật hẹp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thực lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với cấp trên và đổi mới công tác xã hội hoá giáo dục trang cấp thêm đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động nâng cao	CBQL, giáo viên	Tờ trình tham mưu; Kế hoạch vận động tài trợ	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	300.000.000đ

chất lượng giáo dục trẻ toàn diện				
Tham mưu với chính quyền địa phương có phương án mở rộng diện tích sân vườn và khu vực cho trẻ chơi tại trung tâm trường.	CBQL	Tờ trình tham mưu với UBND xã.	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	100.000.000đ

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 4: 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố chiếm 82,9%, các khối phòng nuôi dưỡng CSGD, phòng hành chính quản trị, phòng phục vụ học tập có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Nhà trường có phòng và khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ em nhưng chưa đảm bảo các điều kiện để tổ chức 2 môn thể thao phù hợp với trẻ. Tính đến thời điểm hiện tại nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý [3.2-01]; [3.2-02]; [3.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính quản trị; phòng nuôi dưỡng CSGD trẻ và khối phòng phụ trợ. Các khối phòng nuôi dưỡng CSGD, phòng hành chính quản trị, phòng phụ trợ có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng CSGD trẻ. Có phòng và khu vực riêng để phát triển vận động cho trẻ với đầy đủ các đồ dùng dụng cụ.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố mới đạt 82,9%, một số phòng, nhà kho còn là bán kiên cố. Nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý, chưa có khu vực tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
-----------------------------------	---------------	------------------------	---------------------	------------------

	hiện			
Tiếp tục tham mưu với UBND xã bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng phục vụ học tập của nhà trường.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch XHH GD; tờ trình.	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo	500.000.000 đồng.
Tiếp tục tham mưu với UBND xã đầu tư kinh phí để xây dựng kiên cố một số phòng như: phòng giáo dục thể chất, khối phòng tổ chức ăn, khối phụ trợ.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch XHH GD; tờ trình.	Giai đoạn 2025-2030	5.000.000.000 đồng
Tham mưu với chính quyền địa phương mở rộng diện tích đất xây dựng phòng tư vấn tâm lý và sân để tổ chức hoạt động thể thao cho trẻ	CBQL	Tờ trình.	Giai đoạn 2025-2030	1.000.000.000 đồng
Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch XHH GD.	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường cơ bản hoàn thành các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển đã đề ra như: Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp đảm bảo kế hoạch giao hằng năm; phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ tốt; chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ngày càng được nâng cao; công tác quản lý tài chính, tài sản đạt hiệu quả, công tác xã hội hóa huy động nguồn lực hợp pháp để phát triển nhà trường, các hoạt động phù hợp với văn hóa địa phương, đảm bảo tính khả thi, đáp ứng được yêu cầu của các cấp. Tuy nhiên về cơ sở vật chất nhà trường mới có 29/35 phòng đạt 82,9% kiên cố, còn 6/35 phòng

(phòng dành cho nhân viên, phòng bảo vệ, phòng giáo dục thể chất, khối phòng tổ chức ăn, 01 nhà kho) là bán kiên cố, chiếm 17,1%. Trong 5 năm liên tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024-2025) trong đó có 01 năm được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua (năm học 2022-2023); 01 năm được Sở GD&ĐT tặng giấy khen (năm học 2024-2025); 02 năm được UBND huyện tặng giấy khen (năm học 2021-2022, 2023-2024) [H1-1.2-01].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua, UBND huyện và Sở GD&ĐT tặng giấy khen.

3. Điểm yếu: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường còn mục tiêu về cơ sở vật chất chưa đáp ứng theo tiêu chí, cụ thể: Nhà trường vẫn còn 6/35 phòng là bán kiên cố, chiếm 17,1%

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Làm tốt công tác tham mưu xây dựng lớp học và đổi mới công tác XHH GD huy động các nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân hỗ trợ nhà trường về cơ sở vật chất, trang thiết bị giúp nhà trường hoàn thiện các mục tiêu đã đưa ra theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch XHH GD	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.	1.000.000.000đ
Định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường	CBQL, GV, NV	Kế hoạch phát triển nhà trường (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn)	Năm học 2025-2026 đến năm học 2029-2030.	Không

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường

có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hằng năm nhà trường đều được UBND huyện và Sở GD&ĐT tặng giấy khen đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận, trong đó có 01 năm (năm học 2022-2023) trường được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua [H1-1.2-01]. Các hội thi, giao lưu của cô và trẻ cấp huyện, cấp cụm nhà trường đều đạt kết quả cao và được đánh giá vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận là trường tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua, luôn đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thức lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng các giải pháp sáng tạo để đạt và vượt các chỉ tiêu, mục tiêu trong các năm học.	CBQL, GV, NV trong nhà trường	Sáng kiến	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.	Không
Làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương cũng như lãnh đạo cấp trên để thực hiện tốt các chỉ tiêu, mục tiêu nhà trường đặt ra.	CBQL	Tờ trình	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.	Không
Phát huy vai trò của cha mẹ trẻ em trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục	CBQL, GV, NV trong nhà trường, phụ huynh, trẻ	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch hoạt động ban đại diện cha mẹ trẻ em	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.	Không
CBQL, GV, NV tập	CBQL, GV,	Kế hoạch phát	Năm học	Không

trung huy động nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ, kết quả giáo dục vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng	NV	triển nhà trường, kế hoạch vận động tài trợ	2025-2026 và những năm tiếp theo.	
--	----	---	-----------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Mức 4:

Nhà trường đã áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh của địa phương, điều kiện thực tế của nhà trường và triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, tính đến thời điểm đánh giá có 92,3% giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá trở lên.

Trường có sân vườn và khu vực cho trẻ chơi, các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp có đủ đồ dùng đồ chơi trang thiết bị theo quy định đảm bảo an toàn và tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện. Nhà trường có đủ khối phòng hành chính, phòng nuôi dưỡng CSGD trẻ và khối phòng phụ trợ. Các khối phòng nuôi dưỡng CSGD phòng hành chính quản trị, phòng phục vụ học tập có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng CSGD trẻ.

Tính đến thời điểm đánh giá cơ bản nhà trường hoàn thành các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường. Trong 5 năm học liên tiếp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ; có 01 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận, có 01 năm học được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh.

Tuy nhiên, việc vận dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới hiệu quả chưa cao. Tỷ lệ giáo viên của nhà trường năm học 2023-2024 được đánh giá xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN ở mức tốt mới đạt từ 37%. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường vẫn còn 6/35 phòng xây bán kiên cố chiếm tỷ lệ 17,1%, chưa đảm bảo các điều kiện để tổ chức 2 môn thể thao phù hợp với trẻ, nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý.

- Tổng số tiêu chí của mức 4: 6 tiêu chí
- + Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/6 tiêu chí
- + Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 3/6 tiêu chí

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Trong 5 năm từ năm học 2021-2022 đến nay, Trường Mầm non Noong Luống luôn duy trì, củng cố và nâng cao các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Nhiều năm liên tiếp thể nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và được UBND huyện, Sở GD&ĐT tỉnh tặng giấy khen, được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua. Nhà trường không ngừng phát triển ổn định, bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường hằng năm đều được được đầu tư, bổ sung thường xuyên đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ ngày càng cao, nhà trường có khuôn viên khang trang, sạch sẽ, môi trường an toàn và thân thiện.

Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt. Có 100% cán bộ, giáo viên nhà trường có trình độ đạt trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT, phương pháp dạy học đã dần được đổi mới phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Chất lượng CSGD trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đều đạt kết quả cao, có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.

Nhà trường luôn tích cực đổi mới công tác XHH GD phù hợp với địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường. Tích cực tham mưu với cấp trên hỗ trợ kinh phí tu sửa, nâng cấp cơ sở vật chất trường, lớp ngày một khang trang đáp ứng nhu cầu dạy và học, phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương, các bậc phụ huynh thực hiện tốt việc huy động trẻ ra lớp đảm bảo đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ em 5 tuổi. Những năm học qua nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học và nhận được nhiều giấy khen của Sở GD&ĐT, UBND huyện và LĐLĐ huyện, Cờ thi đua của UBND tỉnh.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Đảng uỷ, UBND chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, trẻ, phụ huynh của nhà trường. Nhà trường đã tiến hành tự

đánh giá theo đúng quy trình 5 tiêu chuẩn, 22 tiêu chí. Các tiêu chuẩn được đánh giá chính xác, khách quan phản ánh đúng chất lượng CSGD trẻ và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 5 năm qua với Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá Trường Mầm non được Bộ GD&ĐT ban hành, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Mức 1

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 22/22 tiêu chí, đạt 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 2

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 21/21 tiêu chí, đạt 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 3

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 13/15 tiêu chí, đạt 86,7%
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 2/15 tiêu chí, đạt 13,3%

Mức 4

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/6 tiêu chí đạt 50%
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 3/6 đạt 50%

*** Trường Mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục Ban hành quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với Trường Mầm non, kèm theo Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với Trường Mầm non.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường Mầm non Noong Luống xã Thanh Yên đạt mức 2.

Trường Mầm non Noong Luống đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả tự đánh giá của nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Phần IV. PHỤ LỤC

(Có danh mục mã hóa minh chứng kèm theo)

Thanh Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bến

